HDSecurities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD



BÁO CÁO VĨ MÔ

THÁNG 10 NĂM 2026

"Động lực tăng trưởng được củng cố nhờ sản xuất và xuất khẩu tăng tốc, song áp lực lạm phát từ giá năng lượng gia tăng"

Mở Tài khoản

HDS Zalo OA

Vui lòng quét hoặc nhấp vào mã QR để tiếp tục

TIÊU ĐIỂM CHÍNH

HDSecurities

IIP THÁNG 10 (YoY)

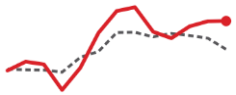
14.98%



Chế biến, chế tạo tăng 15.73%
Lũy kế 10 tháng tăng 12.36%
PMI 52.3 điểm, tháng thứ 16 trên 50

CPI THÁNG 10 (YoY)

5.09%



Tăng 0.20% so với tháng trước
Bình quân 10 tháng: 4.57%
Lạm phát cơ bản: 4.04%

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI THÁNG 10

+7.31 tỷ USD



Xuất khẩu 64.67 tỷ USD (+53.8%)
Nhập khẩu 57.36 tỷ USD (+45.4%)
10 tháng: nhập siêu 12.07 tỷ USD

FDI ĐĂNG KÝ 10 THÁNG

54.85 tỷ USD



Tăng 74.0% so với cùng kỳ
Vốn giải ngân 24.08 tỷ USD (+13.1%)

DU LỊCH

+13.4%

Khách quốc tế
10 tháng: 19.48 triệu
Tháng 10: +21.7%

BÁN LẺ

+14.74%

Doanh thu tháng 10
10 tháng: +13.5%
Loại trừ giá: +7.7%

ĐẦU TƯ CÔNG

74.1%

Giải ngân 10 tháng
Địa phương: 76.8%
Trung ương: 63.0%

TÀI KHÓA

96.8%

Thu ngân sách/dự toán
Tổng thu: +12.2%
Tổng chi: +14.9%

TIỀN TỆ

8.00%

Lãi suất liên ngân hàng
kỳ hạn 6 tháng (30/10)
Qua đêm: 5.79%

TỶ GIÁ

25,637

Tỷ giá trung tâm
+2.05% từ đầu năm
Fed: 3.75–4.00%

NHẬN ĐỊNH

Kinh tế tiếp tục tăng tốc trong tháng 10/2026, với sản xuất công nghiệp và xuất khẩu là động lực chính, đặc biệt từ chuỗi điện tử FDI. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 14.98% và PMI đạt 52.3 điểm; xuất khẩu đạt 64.67 tỷ USD (+53.8%), đưa cán cân thương mại thặng dư 7.31 tỷ USD và thu hẹp nhập siêu 10 tháng còn 12.07 tỷ USD. Tổng mức bán lẻ tháng 10 tăng 14.74%, nhưng lũy kế 10 tháng sau khi loại trừ yếu tố giá chỉ tăng 7.7%. CPI tăng 5.09% so với cùng kỳ do giá năng lượng (Brent bình quân 106.9 USD/thùng), trong khi lạm phát cơ bản hạ về 4.04%, cho thấy áp lực giá chủ yếu đến từ chi phí đầu vào.

Triển vọng quý IV, tài khóa tiếp tục là điểm tựa chính trong khi dư địa tiền tệ hạn chế. Giải ngân đầu tư công đạt 74.1% kế hoạch (tăng 44.3% so với cùng kỳ) và thu ngân sách nhà nước đạt 96.8% dự toán, tạo dư địa đẩy mạnh chi đầu tư hai tháng cuối năm, dù khối trung ương và các dự án đường sắt còn chậm. Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn dài neo cao (6 tháng: 8.00%) và Fed giữ lãi suất ở 3.75–4.00% với rủi ro tăng tiếp.

Nguồn: TCTK, NHNN, Bộ Tài chính, FiinX, HDS Research

Bối cảnh toàn cầu: Fed duy trì chính sách thắt chặt, giá dầu tiếp tục ở mức cao

HDSecurities

Ba yếu tố toàn cầu cần theo dõi trong quý IV gồm diễn biến giá dầu trước rủi ro gián đoạn nguồn cung tại eo biển Hormuz, định hướng chính sách lãi suất của Fed và sức mạnh của đồng USD. Trong đó, giá dầu tác động trực tiếp đến lạm phát thông qua chi phí năng lượng và vận tải, trong khi chính sách Fed và biến động USD chủ yếu ảnh hưởng đến tỷ giá, chi phí vốn và dư địa điều hành tiền tệ của Việt Nam.

- **Giá dầu tiếp tục là rủi ro đối với triển vọng lạm phát khi nguồn cung Trung Đông bị hạn chế bởi xung đột và gián đoạn vận chuyển qua eo biển Hormuz.** Giá Brent bình quân tháng 10 đạt 106.9 USD/thùng, tăng từ 90.55 USD/thùng trong quý III và đóng cửa ngày 30/10 ở mức 113.43 USD/thùng, vượt cận trên của kịch bản cơ sở. Diễn biến này làm gia tăng chi phí năng lượng, vận tải và sản xuất tại các nền kinh tế nhập khẩu dầu.
- **Trong khi đó, Fed nâng lãi suất 25 điểm cơ bản trong tháng 9 lên 3.75–4.00%,** đồng thời nâng dự báo lãi suất cuối năm 2026 lên 4.1% và lạm phát PCE lõi lên 3.4%. Tại cuộc họp tháng 10, Fed giữ nguyên lãi suất nhưng có hai phiếu ủng hộ tăng, cho thấy rủi ro thắt chặt vẫn hiện hữu. Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm từ 5.29% cuối tháng 9 xuống 4.93% cuối tháng 10, phần nào giảm áp lực lên các thị trường mới nổi.

Sự kiện quốc tế tháng 10

24/09 Hỗn hợp — THƯƠNG MẠI

Mỹ – Trung gia hạn đình chiến thương mại thêm hai tháng

10/1/2027

Hạn đình chiến mới, thay cho mốc 10/11/2026

Thuế quan, đất hiếm và hạn chế công nghệ chuyển sang các vòng đàm phán sau. Trung Quốc chậm với ~17 tỷ USD nông sản cam kết mua; Mỹ cho rằng việc giao đất hiếm chưa đạt.

Hàm ý Giảm rủi ro cú sốc thương mại trước cuối năm với chuỗi điện tử khu vực, nhưng bất định quay lại ngay đầu năm 2027.

26/10 Tiêu cực — NĂNG LƯỢNG

Brent hạ nhiệt sau khi chạm vùng cao nhất kể từ giữa tháng 5

110.74 USD

Brent phiên 26/10 (-0.9%); đóng cửa 30/10 ở 113.43 USD

WTI 101.76 USD/thùng. Nguồn cung Trung Đông, chi phí vận tải và tồn kho toàn cầu thấp giữ biến động ở mức cao; Brent bình quân tháng 10 đạt 106.9 USD/thùng.

Hàm ý Brent ở vùng cao của kịch bản cơ sở quý IV (98–112 USD/thùng), tăng rủi ro CPI quý IV vượt 5.1% và gây áp lực lên cán cân thương mại.

28/10 Tiêu cực — LÃI SUẤT

Fed giữ lãi suất 3.75–4.00% nhưng có hai phiếu ủng hộ tăng

10 – 2

Biểu quyết; Cook và Hammack ủng hộ tăng thêm 0.25 điểm %

Fed đánh giá kinh tế mở rộng mạnh, lạm phát còn cao. ECB đã tăng lãi suất hai lần, BoJ đưa lãi suất lên cao nhất 30 năm; thị trường bắt đầu định giá khả năng tăng vào tháng 12.

Hàm ý Lãi suất Mỹ cao lâu hơn; UST10Y (4.93% cuối tháng 10) và DXY (101.88) giữ áp lực lên tỷ giá, dòng vốn và hạn chế dư địa giảm lãi suất điều hành của NHNN.

Nguồn: HDS Research, Fed, EIA

Sự kiện trong nước tháng 10: Trọng tâm tài khóa, đầu tư công và giá năng lượng

Thông điệp chính: chính sách tháng 10 tập trung vào tài khóa và đầu tư công: giải ngân đạt 74.1% kế hoạch sau khi NQ 337 thu hẹp kế hoạch còn 955.9 nghìn tỷ đồng. NHNN giữ lãi suất điều hành, hạ lãi suất huy động bằng chỉ đạo hành chính. Giá xăng dầu tăng trở lại kỳ 29/10 là rủi ro CPI tháng 11/2026.

Tài khóa – đầu tư công

1 tích cực · 2 trung tính

15–29/10 Tích cực

Giải ngân đầu tư công đạt 74.1% kế hoạch (ước đến 31/10)

708.6 nghìn tỷ đồng; cần khoảng 99.8 nghìn tỷ/tháng trong T11–12 để đạt 95% (nhịp T10: 65.6). Đạt 100% kế hoạch có thể đóng góp ~2.5 điểm % vào tăng trưởng quý IV.

24/10 Trung tính

NQ 337/NQ-CP: giảm kế hoạch đầu tư công còn 955.9 nghìn tỷ đồng

Giảm 66.7 nghìn tỷ (-6.5%). Tỷ lệ giải ngân cao hơn ~4.8 điểm % (74.1% so với 69.3% theo kế hoạch cũ) nhưng khối lượng thực tế không đổi.

31/10 Trung tính

Chính phủ báo cáo Quốc hội về kinh tế – xã hội

Mục tiêu GDP 10% cần quý IV tăng ~12.5%, cao hơn nhiều kịch bản cơ sở của HDS (8.0–9.0%). Trở ngại: giá dầu, thuế bổ sung 12.5% (Mục 301) với ~70% xuất khẩu sang Mỹ.

Giá cả – năng lượng

1 hỗn hợp · 1 tiêu cực

22/10 Hỗn hợp

Điều hành xăng dầu: xăng giảm, dầu diesel tăng

E5 RON 92-II 25,010 đ/lít, DO 0.05S-II 29,200 đ/lít. Diesel tăng truyền dẫn vào chi phí vận tải; xăng giảm chỉ bù đắp một phần.

29/10 Tiêu cực

Điều hành xăng dầu: tăng ở cả xăng và dầu

E5 26,020 đ/lít (+4.0%), DO 30,240 đ/lít (+3.6%). Áp lực lên CPI nhóm giao thông tháng 11; thuế TTĐB xăng về 0% từ 1/11 chỉ bù đắp một phần.

Hướng tác động: Tích cực Trung tính Hỗn hợp Tiêu cực

Tiền tệ – ngân hàng

1 trung tính · 1 hỗn hợp

01/10 Trung tính

NĐ 316/2026: phân phối lợi nhuận TCTD có vốn nhà nước

Quỹ đầu tư phát triển tối đa 40%; chia cổ tức cổ phiếu cần xếp loại B trở lên 2 năm liền và nợ xấu dưới 3%. Hàm ý: giữ lại lợi nhuận, tăng vốn tự có, hỗ trợ dư địa tín dụng.

07/10 Hỗn hợp

NHNN họp báo về điều hành tiền tệ

Lãi suất huy động mới bình quân 6.38% (20/9), +1.15 điểm % so với cuối 2025; yêu cầu giảm lãi suất từ kỳ hạn 6 tháng, giữ lãi suất điều hành. Hàm ý: hạ nhiệt bằng chỉ đạo hành chính, dư địa giảm thực chất hạn chế.

Thương mại – đầu tư – thể chế

1 tích cực · 1 trung tính · 1 hỗn hợp

15/10 Tích cực

NĐ 336/2026: cơ chế một cửa quốc gia và ASEAN

Cổng một cửa vận hành 24/7, thủ tục tại cửa khẩu tối đa 1 giờ. Giảm thời gian thông quan và chi phí logistics, hỗ trợ xuất khẩu.

17/10 Trung tính

Khai mạc Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XVI

Xem xét 43 dự án luật, nghị quyết; cho ý kiến Luật Kinh doanh phái sinh hàng hóa. Biểu quyết đợt 2 (20–21/11) là mốc theo dõi.

18/10 Hỗn hợp

NĐ 342/2026: cấp phép hoạt động thương mại của DN FDI

Áp dụng 9 nhóm hoạt động, thêm nền tảng TMĐT trung gian. Minh bạch hơn nhưng có thể kéo dài thủ tục trong bán lẻ, logistics, TMĐT.

Nguồn: HDS Research tổng hợp

Các chỉ tiêu Vĩ mô chính của Việt Nam

HDSecurities

Chỉ tiêu vĩ mô theo quý

Chỉ số	Q2.2025	Q3.2025	Q4.2025	Q1.2026	Q2.2026	Q3.2026
GDP (% YoY, theo quý)	**8.19%**	**8.25%**	**8.46%**	**7.94%**	**8.81%**	**9.95%**
Xuất khẩu (tỷ USD)	116.93	128.57	126.30	122.93	143.59	167.37
Nhập khẩu (tỷ USD)	112.52	119.66	123.09	126.57	156.60	169.78
Cán cân thương mại (tỷ USD)	**+4.42**	**+8.91**	**+3.21**	**-3.64**	**-13.01**	**-2.42**
FDI giải ngân (tỷ USD)	6.76	7.08	8.82	5.41	7.62	8.04
FDI đăng ký (tỷ USD)	10.87	7.03	9.88	15.20	19.45	15.71
Giải ngân đầu tư công (nghìn tỷ đồng)	**239.86**	**121.83**	**314.74**	**110.29**	**246.64**	**286.03**
Tổng mức bán lẻ (% YoY)	**9.04%**	**10.12%**	**8.44%**	**10.90%**	**13.72%**	**14.48%**

Chỉ tiêu vĩ mô theo tháng

Chỉ số	11-2025	12-2025	01-2026	02-2026	03-2026	04-2026	05-2026	06-2026	07-2026	08-2026	09-2026	10-2026	10-2025
Xuất khẩu (tỷ USD)	39.11	44.05	43.19	33.09	46.44	45.99	46.93	50.79	53.10	54.79	59.51	64.67	42.05
Nhập khẩu (tỷ USD)	37.98	44.69	44.97	34.10	47.11	49.98	52.14	53.43	56.67	54.91	58.21	57.36	39.45
Cán cân thương mại (tỷ USD)	+1.13	-0.64	-1.78	-1.01	-0.68	-3.99	-5.21	-2.64	-3.57	-0.11	+1.30	+7.31	+2.60
FDI giải ngân (tỷ USD)	2.30	4.02	1.68	1.53	2.20	1.99	2.35	3.28	2.17	2.05	3.82	3.01	2.50
FDI đăng ký (tỷ USD)	2.17	4.73	2.58	3.45	9.17	3.53	6.08	9.84	3.41	2.57	9.73	4.49	2.98
Giải ngân đầu tư công (nghìn tỷ đồng)	62.21	201.89	19.13	36.61	54.55	33.99	75.08	137.57	68.38	84.25	133.40	65.61	50.64
PMI (điểm)	53.8	53	52.5	54.3	51.2	50.5	52.8	51.8	52.9	53.3	51.9	52.3	54.5
IIP (% YoY)	9.13%	10.10%	19.42%	0.60%	7.20%	9.30%	10.14%	12.87%	15.36%	14.41%	14.17%	14.98%	10.44%
Tổng mức bán lẻ (% YoY)	7.15%	9.81%	9.32%	8.48%	12.05%	12.06%	11.83%	14.80%	14.48%	14.95%	14.12%	14.74%	7.23%
CPI (% YoY)	3.58%	3.48%	2.53%	3.35%	4.65%	5.46%	5.60%	4.69%	4.45%	4.89%	5.08%	5.09%	3.25%
CPI lõi (% YoY)	3.28%	3.27%	3.19%	3.74%	3.96%	4.66%	4.67%	4.50%	4.63%	4.55%	4.45%	4.04%	3.30%
Tỷ giá trung tâm (VND/USD, cuối kỳ)	25,155	25,121	25,074	25,044	25,102	25,113	25,139	25,206	25,338	25,610	25,627	25,637	25,093

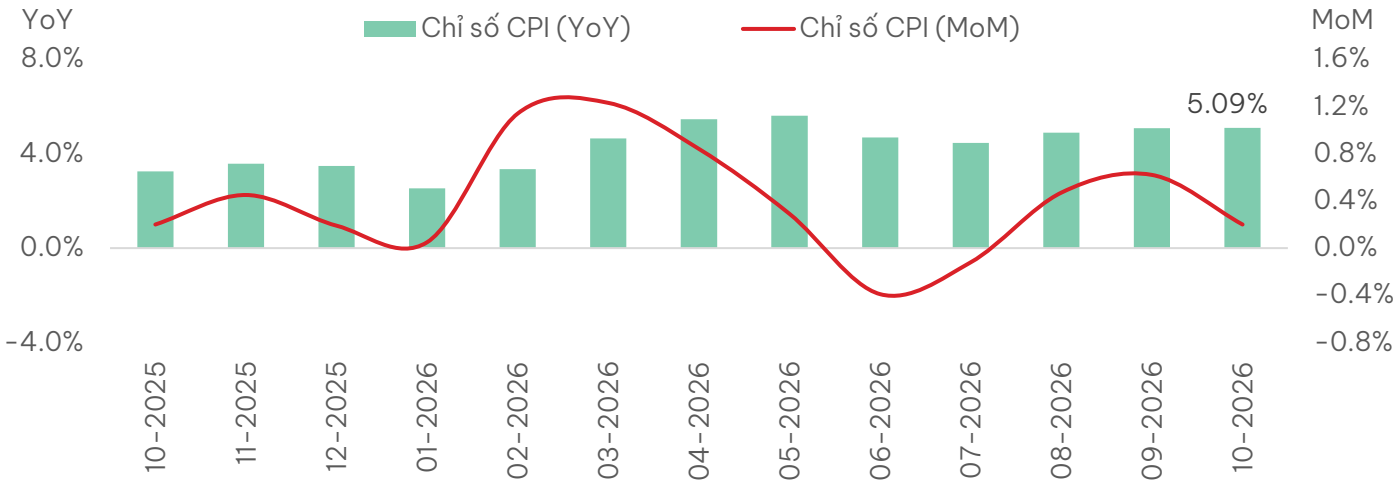
Nguồn: FiinX, HDS Research

Lạm phát: Áp lực gia tăng do giá năng lượng, trong khi lạm phát cơ bản hạ nhiệt

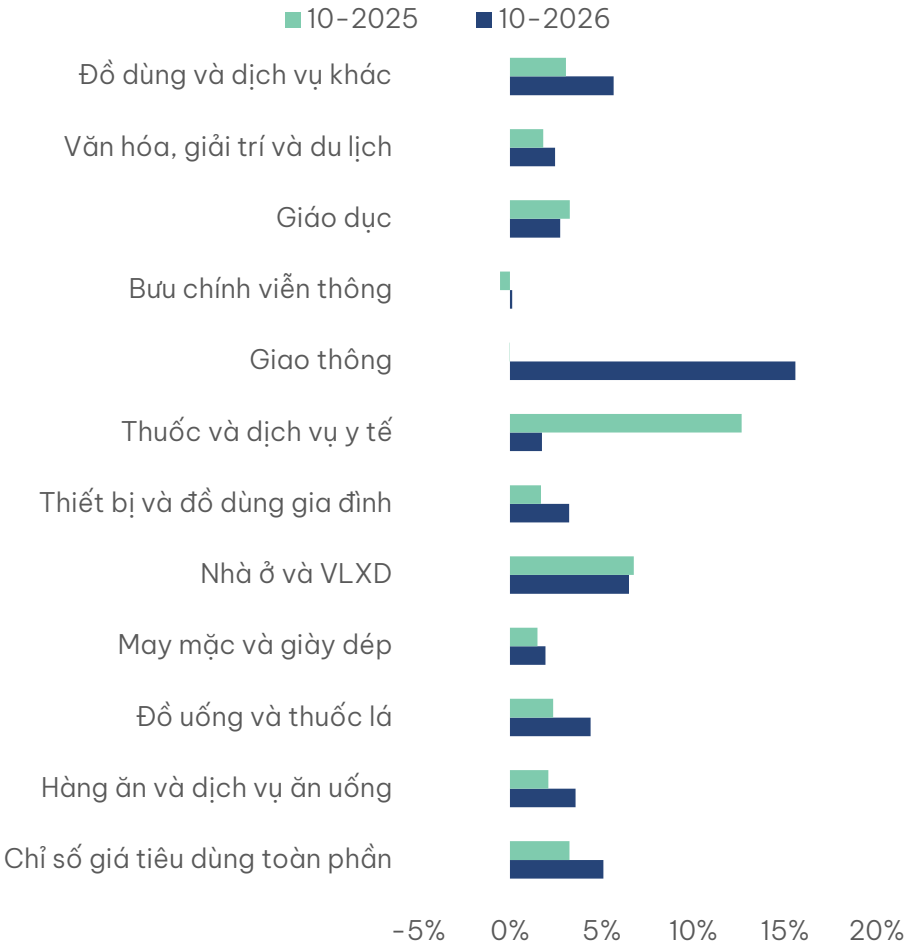
CPI tháng 10/2026 tăng 0.20% so với tháng trước và 5.09% so với cùng kỳ, cao hơn nhẹ mức 5.08% của tháng 9, đưa lạm phát bình quân 10 tháng lên 4.57%. Giá năng lượng tiếp tục là yếu tố chính khi nhóm Giao thông tăng 2.66% so với tháng 9 và 15.57% so với cùng kỳ, trong bối cảnh giá xăng dầu trong nước tăng qua các kỳ điều hành và Brent bình quân tháng 10 đạt 106.9 USD/thùng, cao hơn 6.1% so với tháng trước.

- **Giá xăng dầu trong nước tăng qua các kỳ điều hành,** trong đó giá xăng E5 RON 92-II đạt 26,020 đồng/lít và dầu diesel đạt 30,240 đồng/lít tại kỳ điều hành ngày 29/10. Trong khi đó, nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0.24% theo tháng, riêng thực phẩm giảm 0.32%, góp phần hạn chế mức tăng chung của CPI. Chỉ số giá vàng và USD cũng lần lượt giảm 2.85% và 0.26%, qua đó không tạo thêm sức ép lên mặt bằng giá tiêu dùng.
- **Đáng chú ý, lạm phát cơ bản tháng 10 giảm về 4.04% so với cùng kỳ, thấp hơn CPI chung 1.05 điểm phần trăm.** Diễn biến này cho thấy áp lực lạm phát chủ yếu xuất phát từ chi phí năng lượng và vận tải, thay vì sự gia tăng đồng đều của nhu cầu tiêu dùng. Tuy nhiên, giá nhiên liệu duy trì ở mức cao có thể tiếp tục truyền dẫn sang chi phí sản xuất và dịch vụ trong những tháng cuối năm, khiến dư địa nới lỏng tiền tệ vẫn còn hạn chế.

Chỉ số giá tiêu dùng



Chỉ số giá theo nhóm mặt hàng, dịch vụ

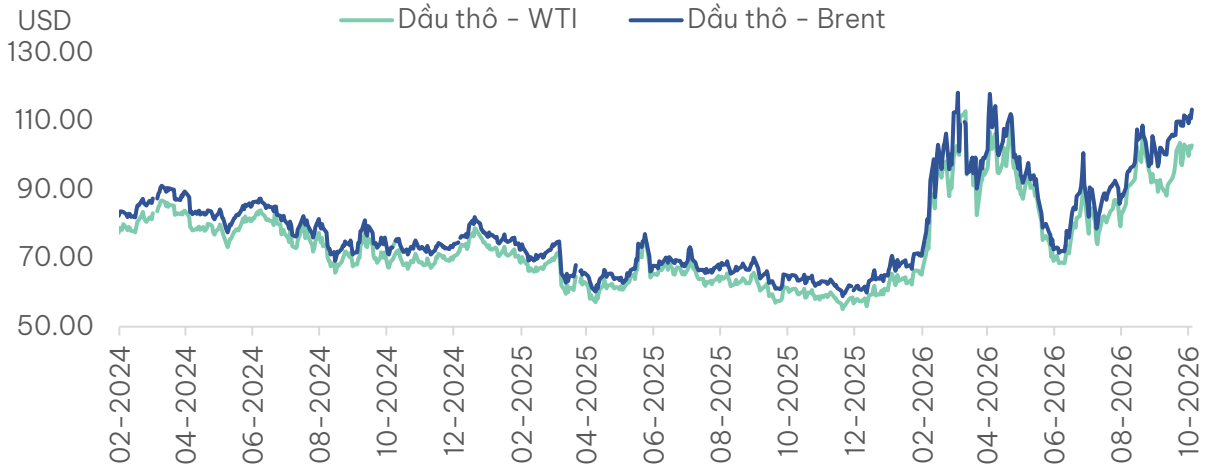


Nguồn: FiinX Pro, HDS Research

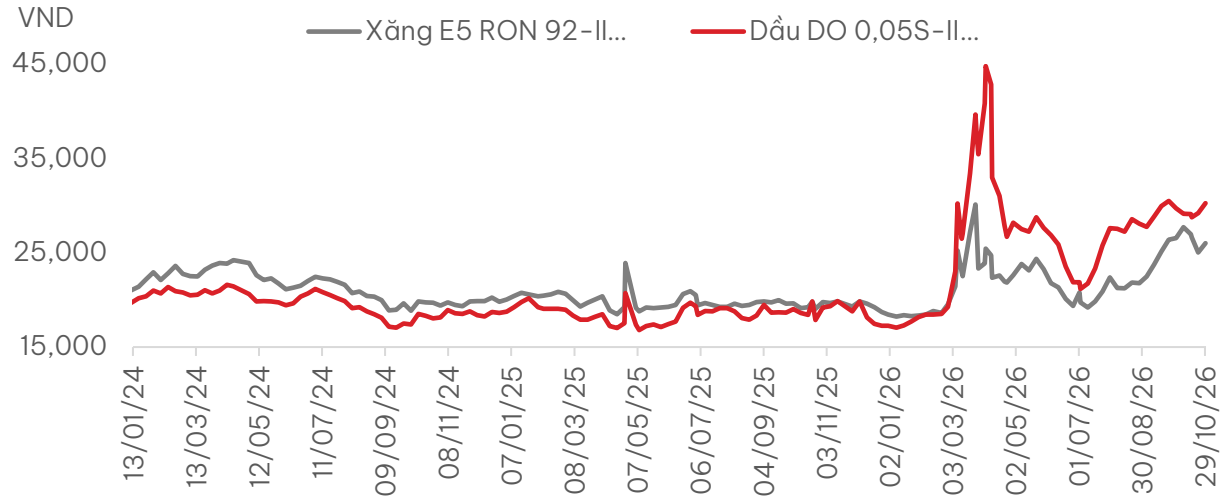
Lạm phát: Áp lực năng lượng thu hẹp dư địa nới lỏng tiền tệ

- **Diễn biến CPI tháng 10 tiếp tục cho thấy vai trò chi phối của chi phí năng lượng đối với lạm phát.** Nhóm Giao thông tăng 2.66% theo tháng và 15.57% so với cùng kỳ, trong khi CPI chung chỉ tăng 0.20% theo tháng. Theo ước tính của chúng tôi, mỗi 1% thay đổi của giá xăng dầu bán lẻ có thể tác động khoảng 0.05 điểm phần trăm lên CPI. Với hệ số truyền dẫn khoảng 0.6 từ giá dầu thế giới sang giá bán lẻ trong nước, mỗi 10% biến động của Brent có thể khiến CPI thay đổi khoảng 0.3 điểm phần trăm sau một đến hai kỳ điều hành, chưa bao gồm ảnh hưởng gián tiếp qua chi phí vận tải và sản xuất.
- **Ở chiều ngược lại, lạm phát cơ bản tháng 10 ở mức 4.04%, thấp hơn đáng kể CPI chung 5.09%,** trong khi giá thực phẩm, vàng và USD đều giảm so với tháng trước. Điều này cho thấy áp lực giá chưa lan rộng rõ rệt sang toàn bộ nền kinh tế, dù khoảng cách giữa CPI chung và CPI cơ bản tiếp tục phản ánh tác động lớn của giá nhiên liệu. Tuy nhiên, nếu chi phí năng lượng duy trì cao, doanh nghiệp có thể dần chuyển một phần chi phí đầu vào sang giá bán, làm tăng rủi ro lạm phát có độ trễ trong những tháng tiếp theo.
- **Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi dự báo CPI quý IV duy trì quanh 5.1% và bình quân cả năm khoảng 4.6–4.7%, với mức trung tâm 4.67%, vượt nhẹ mục tiêu 4.5%.** Các yếu tố cần theo dõi gồm diễn biến giá dầu và các kỳ điều hành xăng dầu, giá thực phẩm sau mùa mưa bão, tác động của chính sách thuế và giá điện, cùng nhu cầu tiêu dùng cuối năm. Với áp lực lạm phát còn hiện hữu, chúng tôi cho rằng dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ trong quý IV tiếp tục bị thu hẹp.

Diễn biến giá xăng dầu thế giới



Diễn biến giá xăng dầu trong nước



Nguồn: FiinX Pro, PVOil, HDS Research

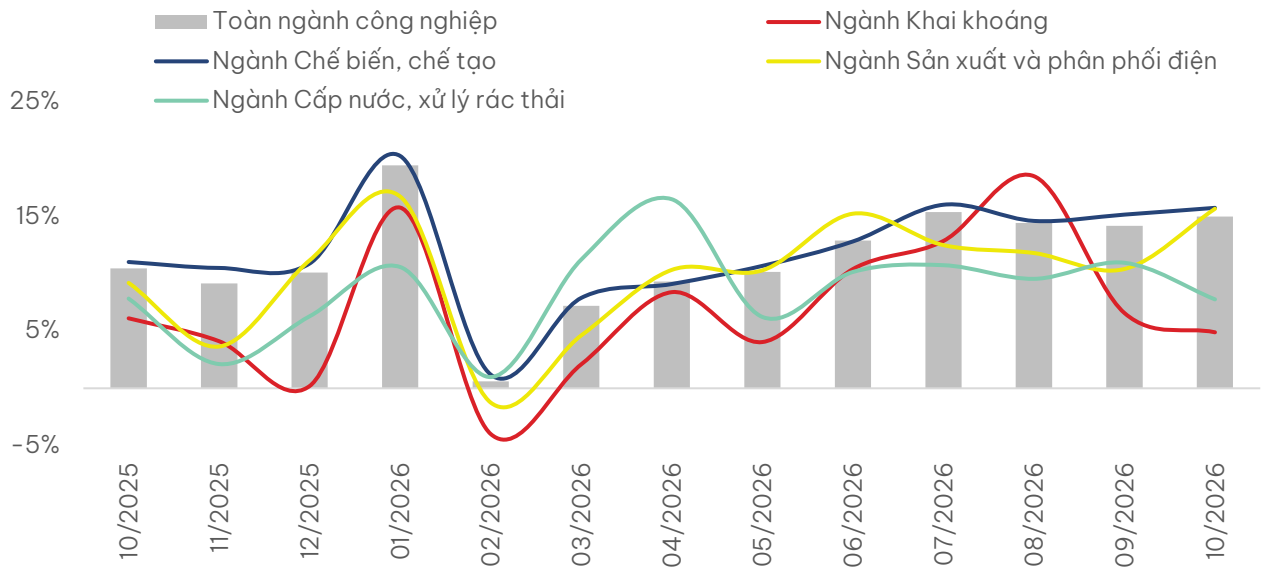
Sản xuất: Chế biến, chế tạo tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng sản xuất

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10 tăng 14.98% so với cùng kỳ và 2.27% so với tháng trước, tiếp tục duy trì mức tăng cao nhờ công nghiệp chế biến, chế tạo. Trong đó, chế biến, chế tạo tăng 15.73%, sản xuất và phân phối điện tăng 15.65%, trong khi khai khoáng tăng 4.88%.

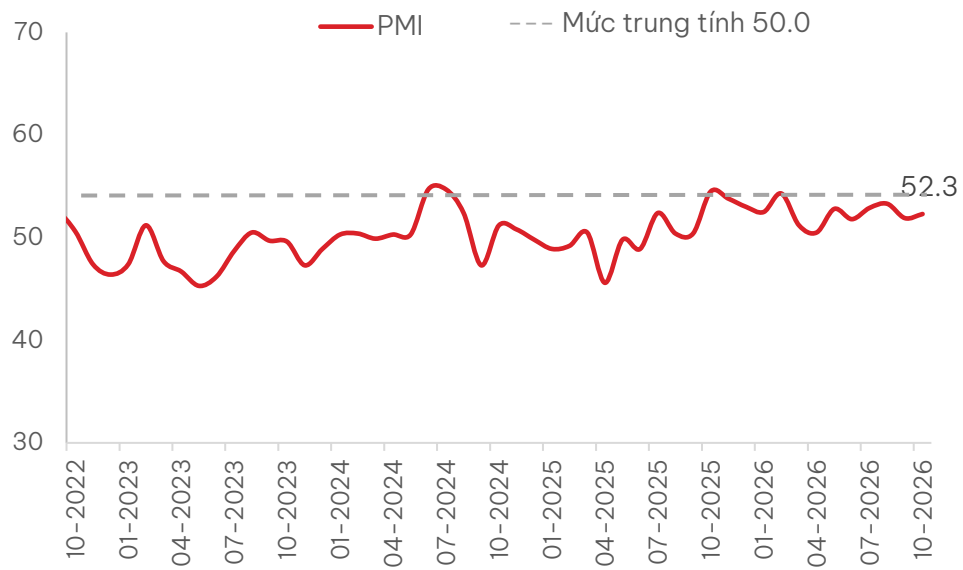
- **Động lực tăng trưởng lan tỏa sang nhiều nhóm ngành,** với sản xuất thuốc và hóa dược tăng 43.30%, kim loại tăng 27.29%, đồ uống tăng 21.42%, điện tử, máy tính và sản phẩm quang học tăng 21.02%, thực phẩm tăng 17.86% và máy móc thiết bị tăng 18.21%. Ngược lại, ngành hóa chất giảm 1.57%, cho thấy mức độ phân hóa giữa các nhóm sản xuất vẫn tồn tại. Bên cạnh đó, PMI tháng 10 đạt 52.3 điểm, tiếp tục duy trì trên ngưỡng 50, phản ánh hoạt động sản xuất mở rộng và nhu cầu đơn hàng tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp.

- **Nhìn chung, tăng trưởng công nghiệp không còn chỉ tập trung vào điện tử mà đã lan tỏa sang nhiều ngành hàng tiêu dùng và nguyên liệu sản xuất,** qua đó củng cố vai trò động lực tăng trưởng trong quý IV. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi kỳ vọng IIP duy trì mức tăng khoảng 13–15% trong những tháng cuối năm, góp phần hỗ trợ tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào chuỗi điện tử FDI, cơ số cùng kỳ cao và chi phí năng lượng gia tăng vẫn là những yếu tố cần theo dõi.

Chỉ số IIP so với cùng kỳ



Chỉ số PMI sản xuất

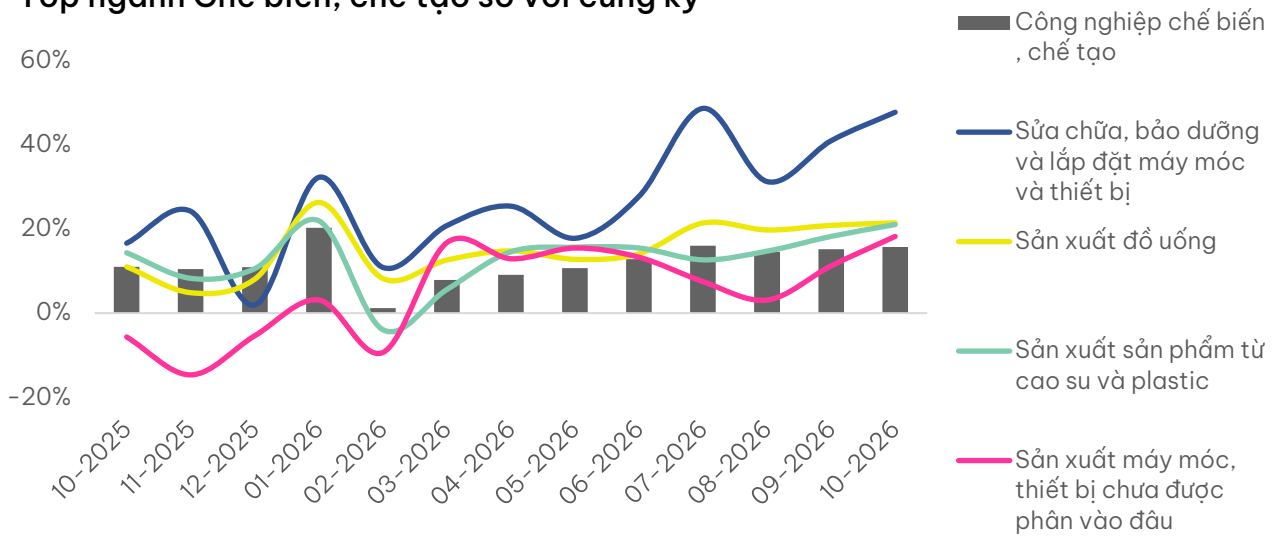


Nguồn: FiinX Pro, HDS Research

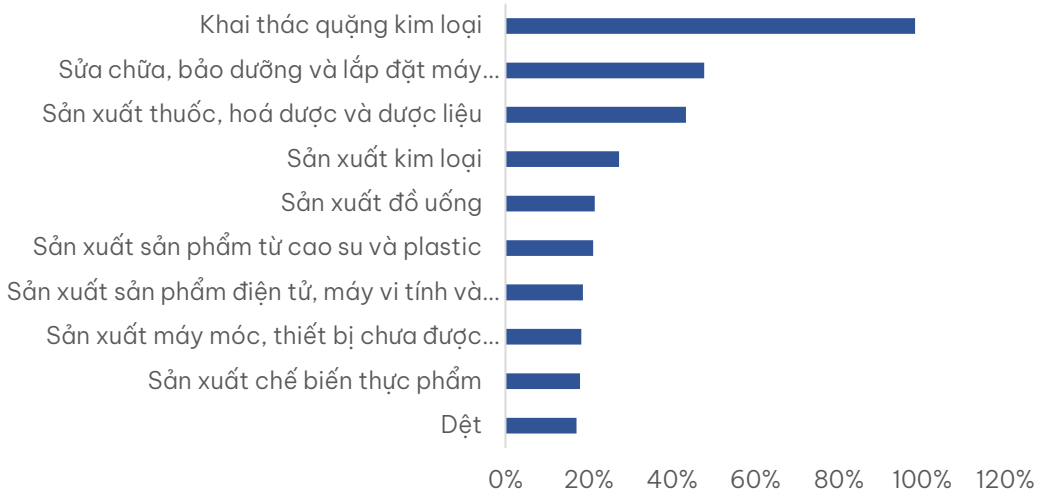
Sản xuất: Chế biến, chế tạo tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng sản xuất

HDSecurities

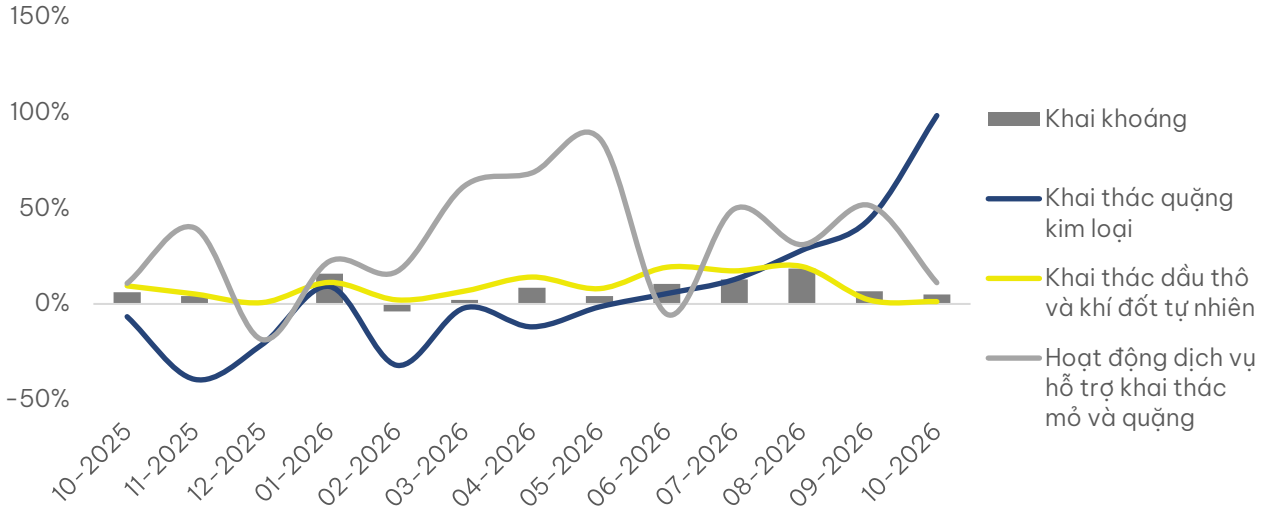
Top ngành Chế biến, chế tạo so với cùng kỳ



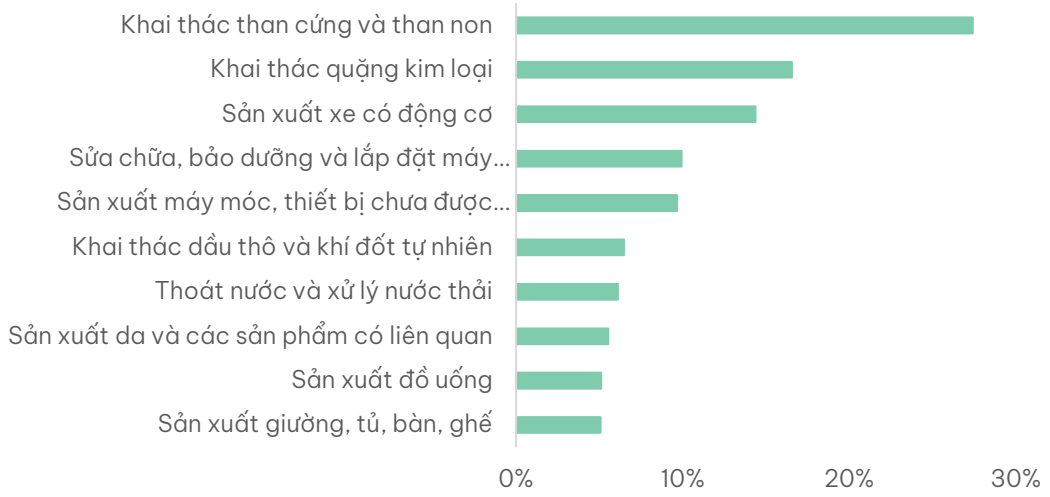
Top ngành tăng trưởng so với cùng kỳ



Top ngành Khai khoáng so với cùng kỳ



Top ngành tăng trưởng so với tháng trước



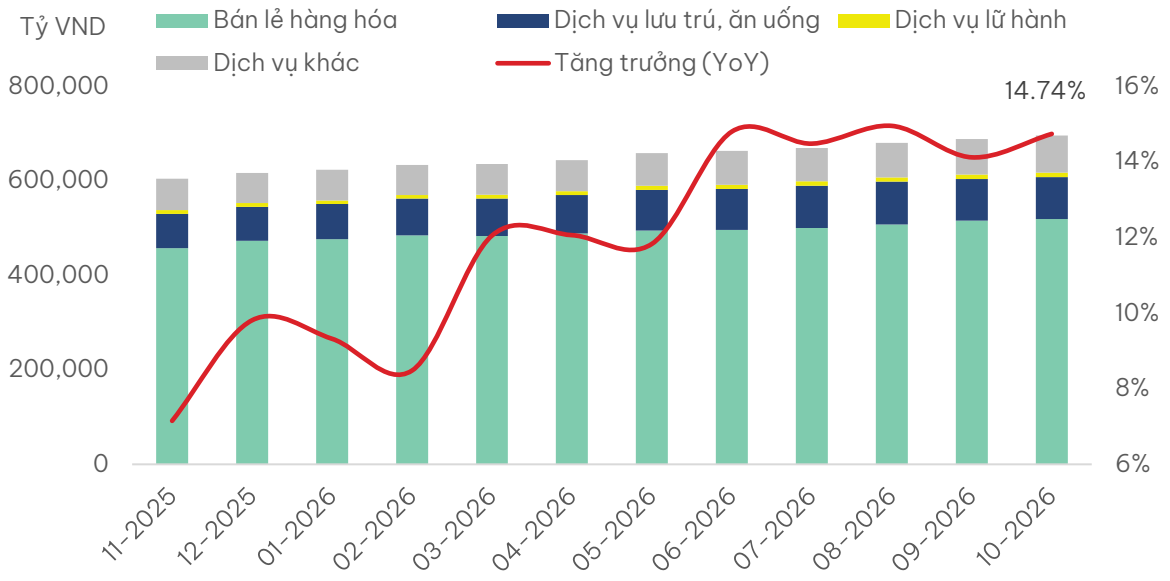
Nguồn: Cục Thống kê, FiinX Pro, HDS Research

Bán lẻ: Tăng trưởng danh nghĩa duy trì cao nhưng sức mua thực cải thiện chậm

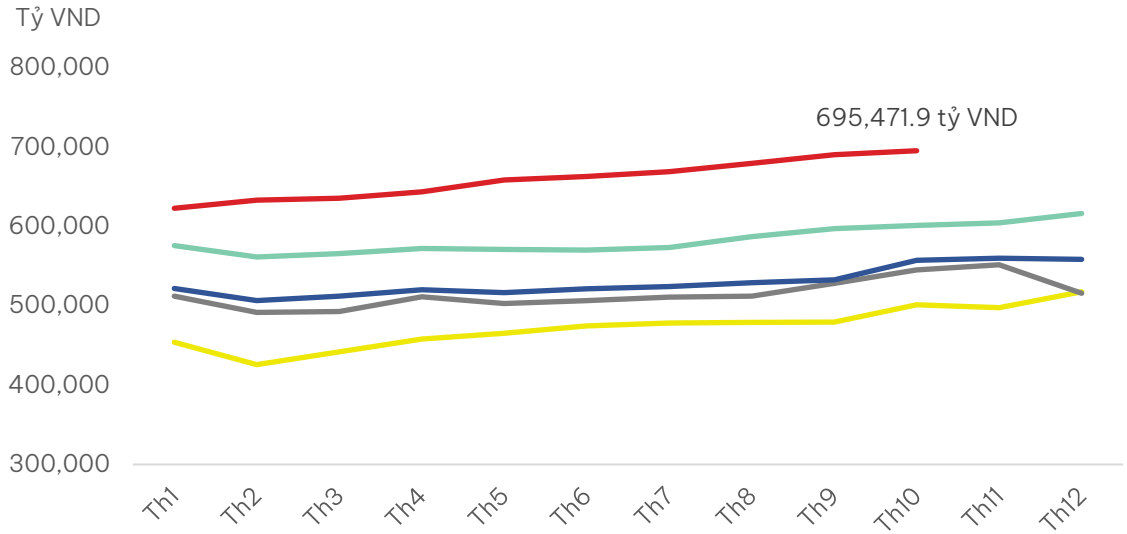
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10 đạt 695.5 nghìn tỷ đồng, tăng 14.74% YoY, cao hơn mức 14.12% tháng 9. Lũy kế 10 tháng đạt 6,618.9 nghìn tỷ đồng, tăng 13.51% theo giá hiện hành nhưng chỉ tăng 7.7% sau khi loại trừ yếu tố giá, cao hơn mức 7.4% YoY.

- **Trong đó, bán lẻ hàng hóa tháng 10 tăng 13.70%, tiếp tục là cấu phần chủ đạo,** trong khi các hoạt động dịch vụ ghi nhận tốc độ tăng cao hơn, với lưu trú, ăn uống tăng 19.50%, lữ hành tăng 21.78% và dịch vụ khác tăng 15.70%. Bên cạnh đó, khách quốc tế đạt khoảng 1.85 triệu lượt, góp phần thúc đẩy nhu cầu lưu trú, ăn uống và các dịch vụ du lịch, qua đó hỗ trợ tăng trưởng doanh thu dịch vụ. Hoạt động vận tải cũng duy trì tích cực khi vận chuyển hành khách và hàng hóa lần lượt tăng 16.4% và 17.4% so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu đi lại, giao thương và lưu thông hàng hóa tiếp tục mở rộng.
- **Nhìn chung, tăng trưởng bán lẻ danh nghĩa tiếp tục ở mức cao nhưng chênh lệch khoảng 5.8 điểm phần trăm so với tăng trưởng thực cho thấy yếu tố giá vẫn đóng góp đáng kể vào mức tăng doanh thu.** Sức mua thực cải thiện tương đối chậm, trong khi động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ dịch vụ và du lịch thay vì sự tăng tốc đồng đều của tiêu dùng hàng hóa. Trong quý IV, chúng tôi kỳ vọng bán lẻ duy trì mức tăng 14–15% nhờ nhu cầu mua sắm cuối năm và hoạt động du lịch, tuy nhiên áp lực lạm phát có thể tiếp tục hạn chế khả năng phục hồi mạnh của tiêu dùng thực tế.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng



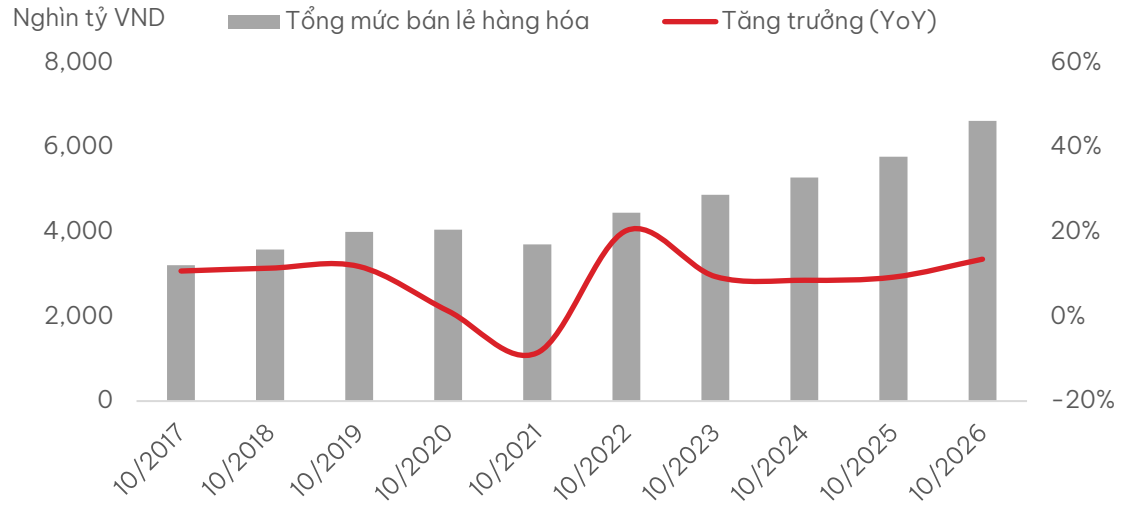
Tăng trưởng doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng hàng năm



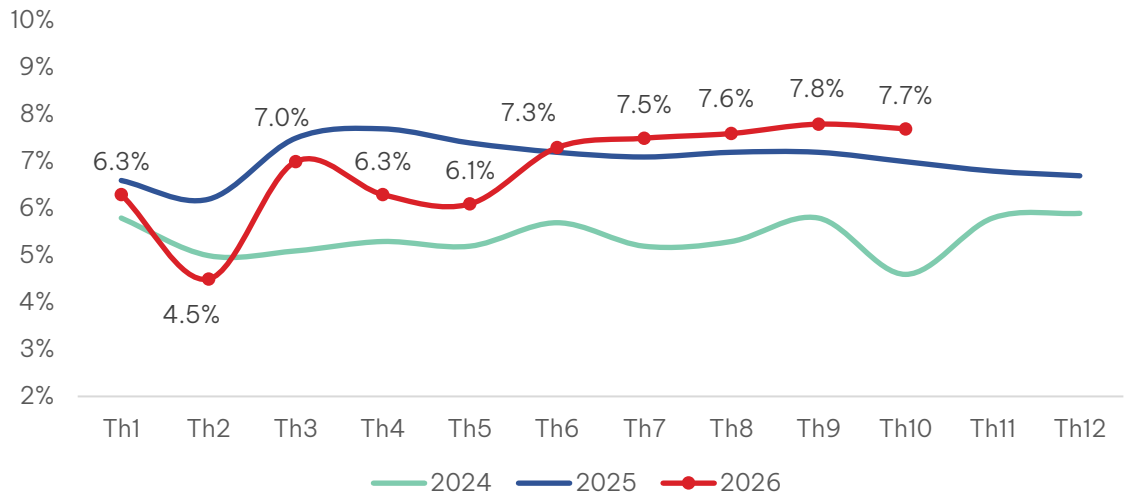
Nguồn: FiinX Pro, HDS Research

Bán lẻ: Tăng trưởng danh nghĩa duy trì cao nhưng sức mua thực cải thiện chậm

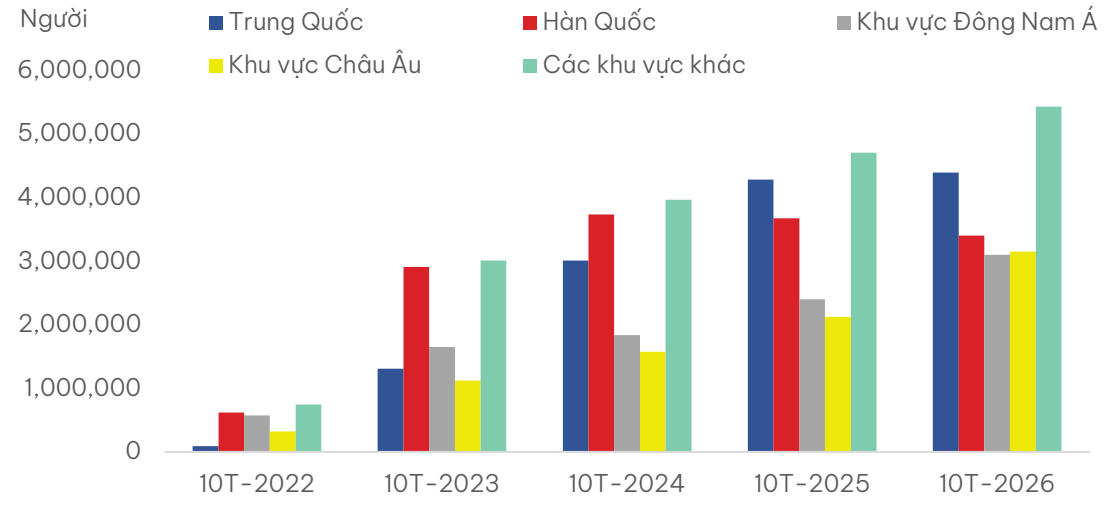
Tổng mức bán lẻ lũy kế 10 tháng hàng năm



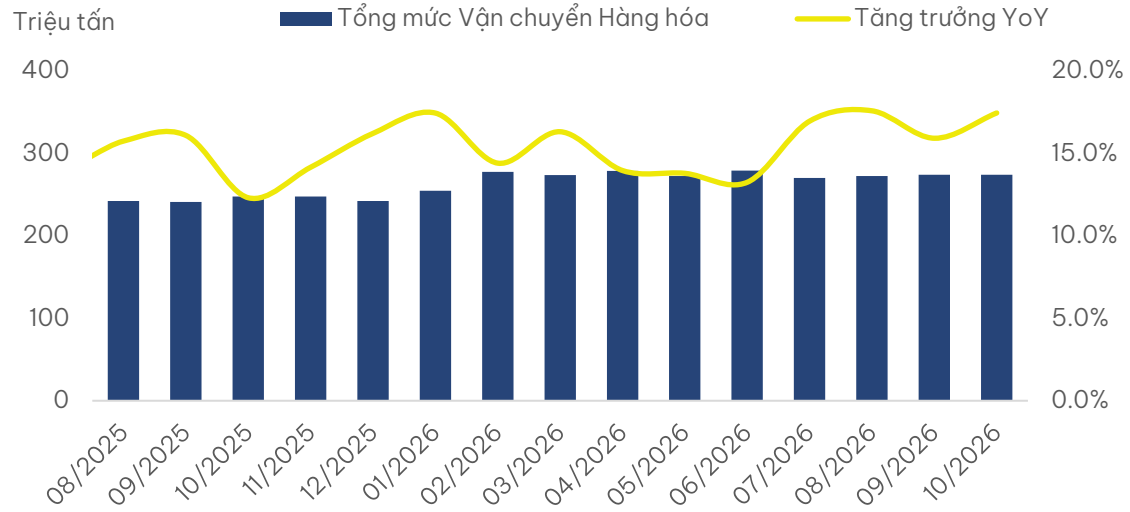
Tăng trưởng tổng mức bán lẻ thực tế hàng năm



Lượng khách du lịch quốc tế tới Việt Nam hàng năm



Tổng mức vận tải hàng hóa



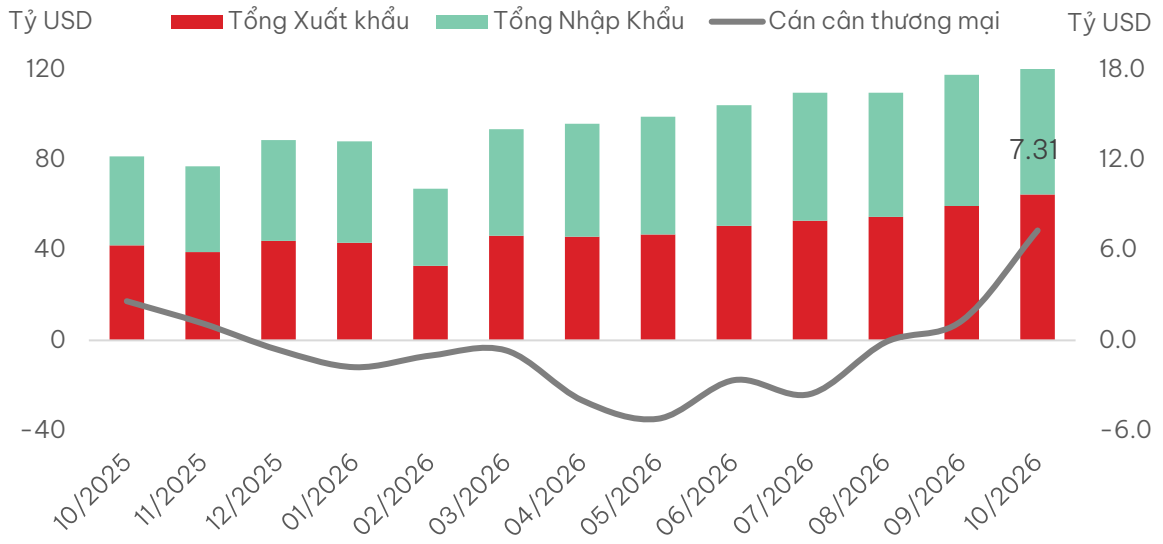
Nguồn: Cục Thống kê, FiinX Pro, HDS Research

Xuất nhập khẩu: Điện tử tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng thương mại

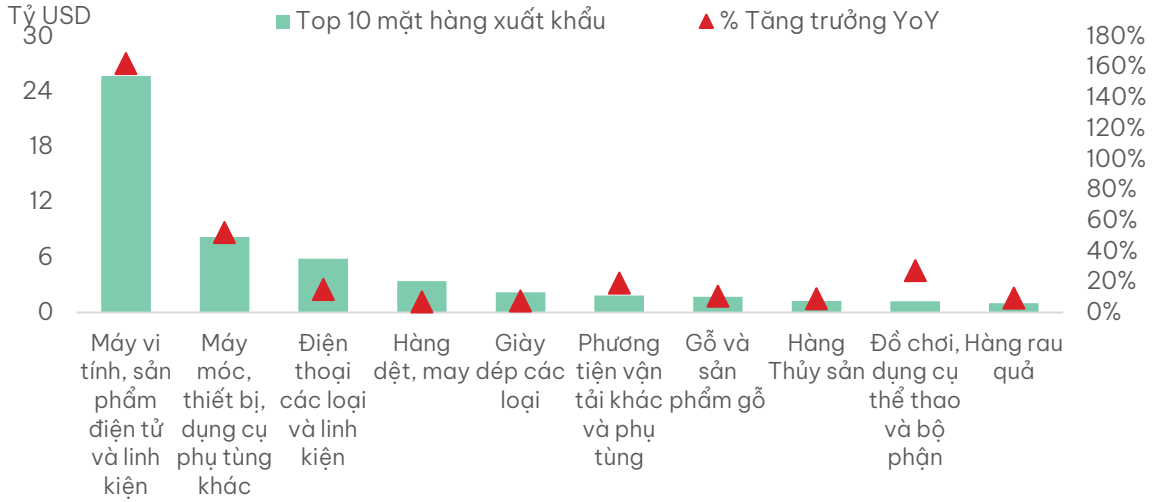
Xuất khẩu tháng 10 đạt 64.67 tỷ USD, tăng 53.80% so với cùng kỳ, trong khi nhập khẩu đạt 57.36 tỷ USD, tăng 45.43%, đưa cán cân thương mại thặng dư 7.31 tỷ USD.

- **Động lực chính đến từ máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, với kim ngạch xuất khẩu đạt 25.68 tỷ USD, tăng 162.21% và chiếm 39.7% tổng xuất khẩu.** Đồng thời, nhập khẩu nhóm điện tử tăng 100.63% lên 26.28 tỷ USD, phản ánh sự phụ thuộc lớn vào nguồn linh kiện nhập khẩu của khu vực FDI.
- **Nhìn chung, thương mại tháng 10 cải thiện mạnh nhưng động lực vẫn tập trung vào chuỗi điện tử FDI,** trong khi các ngành xuất khẩu truyền thống tăng chậm hơn. Mức tăng trưởng cao cũng chịu ảnh hưởng từ cơ số thấp của cùng kỳ, do đó chưa đủ cơ sở xác nhận sự cải thiện bền vững của cán cân thương mại khi tỷ lệ nội địa hóa còn hạn chế.

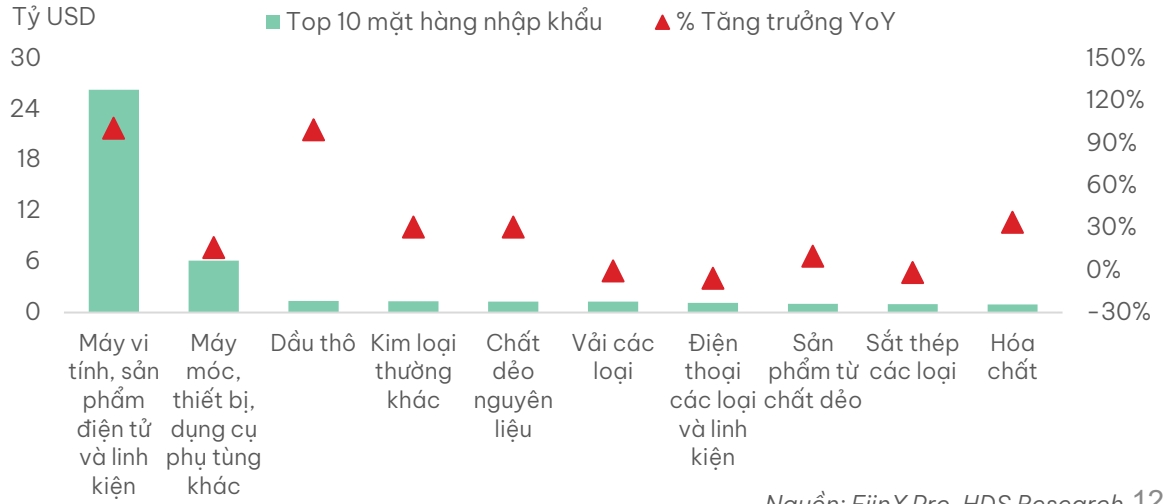
Xuất nhập khẩu theo tháng



Top 10 mặt hàng xuất khẩu



Top 10 mặt hàng nhập khẩu



Nguồn: FiinX Pro, HDS Research

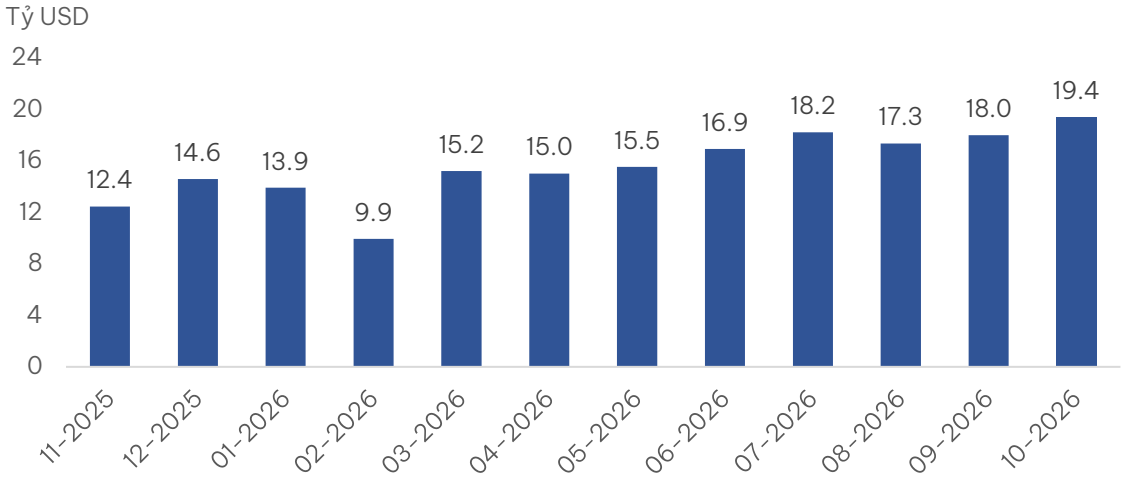
Xuất nhập khẩu: Thặng dư với Mỹ tiếp tục bù đắp nhập siêu từ Trung Quốc

Về thị trường, lũy kế 10 tháng năm 2026, Việt Nam xuất siêu sang Hoa Kỳ 140.1 tỷ USD, trong khi nhập siêu từ Trung Quốc 134.9 tỷ USD, gần như bù trừ nhau với chênh lệch khoảng 5.17 tỷ USD. Cơ cấu này tiếp tục phản ánh mô hình nhập khẩu nguyên liệu, máy móc và linh kiện từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ và EU. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu đầu vào lớn cũng phù hợp với xu hướng mở rộng công suất của chuỗi điện tử FDI.

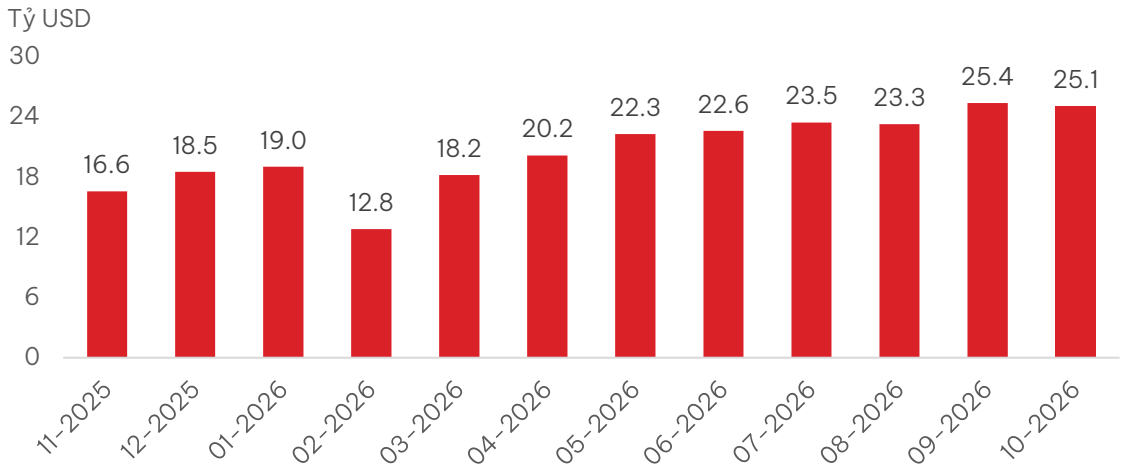
- **Xuất khẩu sang Hoa Kỳ tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 19.40 tỷ USD trong tháng 10, sau khi tăng từ bình quân khoảng 13.0 tỷ USD/tháng trong quý I lên gần 17.8 tỷ USD/tháng trong quý III.** Lũy kế 10 tháng, xuất khẩu sang thị trường này đạt 159.4 tỷ USD (+26.2%), chiếm 31.9% tổng kim ngạch xuất khẩu; nhập khẩu từ Hoa Kỳ đạt 19.30 tỷ USD. Thặng dư thương mại với Hoa Kỳ đạt 140.10 tỷ USD, tiếp tục là nguồn bù đắp quan trọng cho nhập siêu từ các thị trường cung ứng nguyên liệu. Thuế quan và quy tắc xuất xứ của Hoa Kỳ vẫn là rủi ro cần theo dõi.

- **Ở chiều nhập khẩu, Trung Quốc tiếp tục là nguồn cung đầu vào lớn nhất, với kim ngạch tháng 10 đạt 25.12 tỷ USD; bình quân đã tăng từ 16.7 tỷ USD/tháng trong quý I lên 24.1 tỷ USD/tháng trong quý III.** Lũy kế 10 tháng, nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 212.5 tỷ USD (+40.5%), chiếm 41.6% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong khi xuất khẩu sang thị trường này đạt 77.52 tỷ USD (+36.2%), đưa nhập siêu song phương lên 134.94 tỷ USD. Điều này phản ánh mối liên hệ chặt chẽ giữa nhập khẩu linh kiện từ Trung Quốc và xuất khẩu thành phẩm sang Hoa Kỳ, trong bối cảnh tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước còn thấp.

Xuất khẩu sang Hoa Kỳ hàng tháng



Nhập khẩu từ Trung Quốc hàng tháng

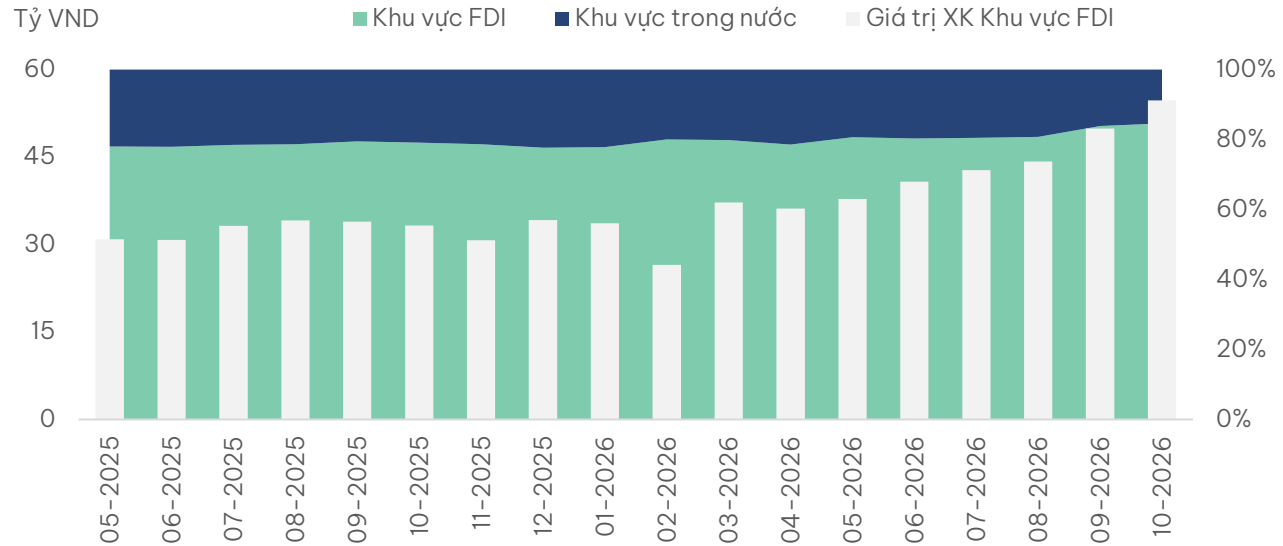


Nguồn: Cục Thống kê, FiinX Pro, HDS Research

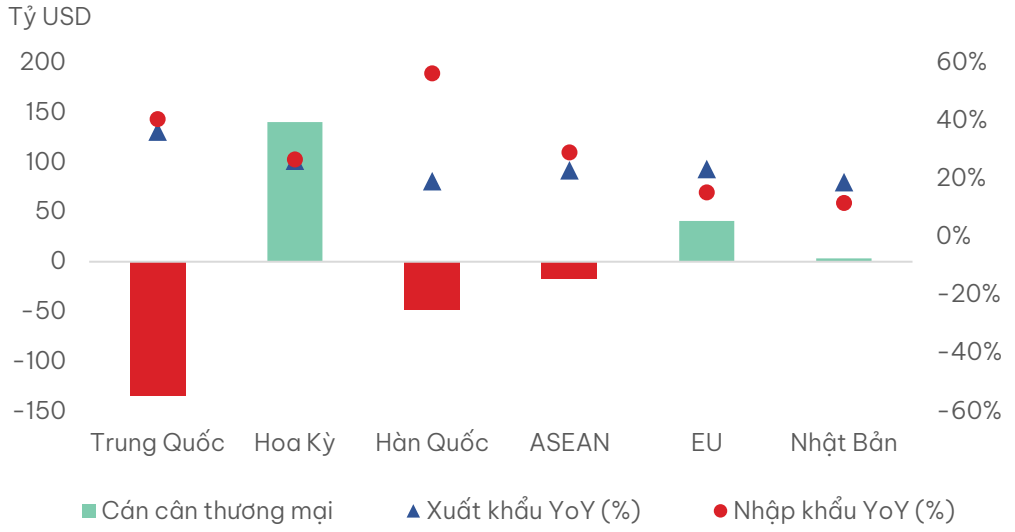
Xuất nhập khẩu: Dòng vốn FDI gắn chặt với tăng trưởng thương mại

- **Tháng 10 tiếp tục ghi nhận mức tăng mạnh của xuất nhập khẩu, đặc biệt ở chuỗi điện tử FDI, với xuất khẩu đạt 64.67 tỷ USD và nhập khẩu 57.36 tỷ USD, đưa cán cân thương mại thặng dư 7.31 tỷ USD.** Trong đó, khu vực FDI đóng góp 54.69 tỷ USD xuất khẩu, chiếm 84.6% tổng kim ngạch và tạo thặng dư thương mại 10.78 tỷ USD, trong khi khu vực trong nước nhập siêu 3.47 tỷ USD. Lũy kế 10 tháng, khu vực FDI xuất khẩu 404.38 tỷ USD và nhập khẩu 379.55 tỷ USD, tương ứng xuất siêu 24.83 tỷ USD. Điều này cho thấy khu vực FDI tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong hoạt động sản xuất và thương mại, đồng thời phản ánh sự phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu phục vụ xuất khẩu thành phẩm.
- **Lũy kế 10 tháng, xuất khẩu cả nước đạt 499.23 tỷ USD và nhập khẩu 511.31 tỷ USD, qua đó thu hẹp nhập siêu xuống 12.07 tỷ USD,** so với mức 19.39 tỷ USD sau 9 tháng. Riêng tháng 10, xuất khẩu đã tương đương khoảng 36–39% khung dự báo cả quý IV của chúng tôi là 168–182 tỷ USD, cho thấy khả năng vượt dự báo nếu đơn hàng điện tử tiếp tục duy trì. Tuy nhiên, mức tăng trưởng bất thường có thể chịu ảnh hưởng từ cơ số thấp và việc tập trung đơn hàng vào một số nhóm hàng, trong khi giá trị gia tăng trong nước chưa cải thiện tương xứng. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi kỳ vọng cán cân thương mại quý IV tiếp tục cải thiện, đưa cán cân cả năm tiến gần trạng thái cân bằng và có thể nghiêng về thặng dư nếu xuất khẩu điện tử duy trì tích cực. Các yếu tố cần theo dõi gồm nhu cầu từ Hoa Kỳ, nhập khẩu nguyên liệu từ Trung Quốc và các biện pháp thương mại mới đối với chuỗi cung ứng điện tử.

Giá trị Xuất khẩu và Tỷ trọng Khu vực FDI so với Khu vực trong nước



Cán cân thương mại theo khu vực tháng 10



Nguồn: Hải quan Việt Nam, Cục Thống kê, FiinX Pro, HDS Research

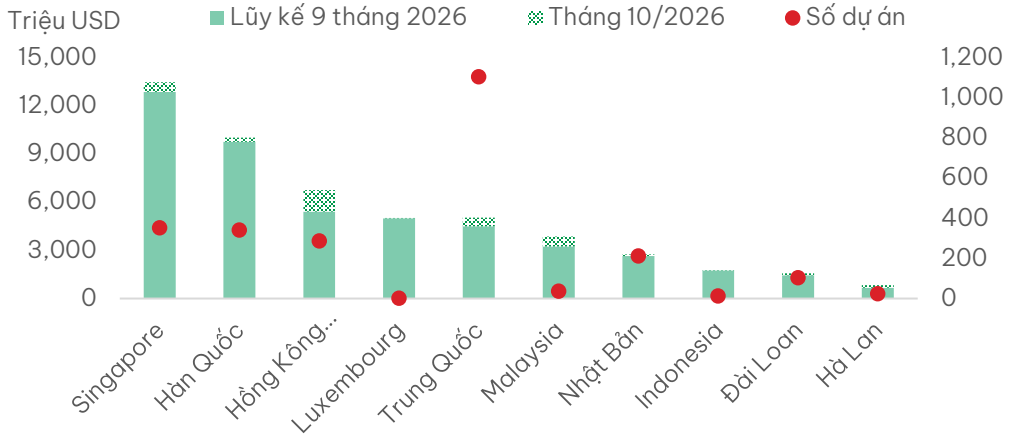
FDI: Vốn đăng ký tăng mạnh nhưng giải ngân vẫn cần cải thiện

HDSecurities

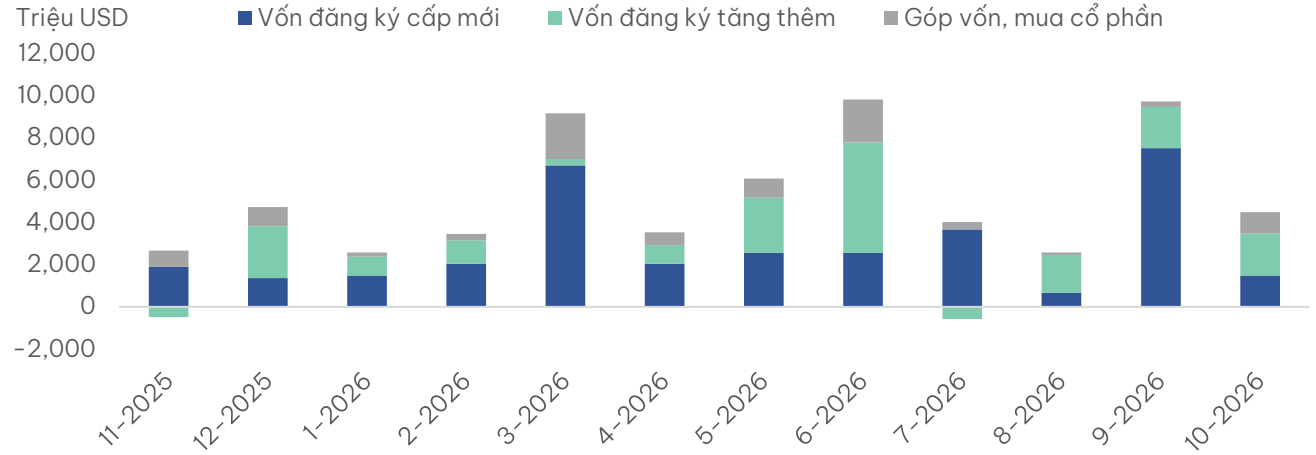
Vốn FDI đăng ký lũy kế 10 tháng đạt 54.85 tỷ USD, tăng 74.0% so với cùng kỳ, trong đó vốn cấp mới đạt 30.73 tỷ USD, vốn điều chỉnh tăng thêm 16.13 tỷ USD và góp vốn, mua cổ phần 7.99 tỷ USD. Vốn thực hiện mới đạt 24.08 tỷ USD, tăng 13.1%, thấp hơn đáng kể tốc độ tăng vốn đăng ký.

- **Riêng tháng 10, vốn đăng ký đạt 4.49 tỷ USD, giảm từ 9.73 tỷ USD của tháng 9, trong khi giải ngân đạt 3.01 tỷ USD.** Dòng vốn tiếp tục tập trung vào các đối tác lớn như Singapore, Hàn Quốc và Hồng Kông, với vốn đăng ký lần lượt đạt 13.46 tỷ USD, 10.00 tỷ USD và 6.75 tỷ USD. Về địa phương, TP. Hồ Chí Minh, Thái Nguyên và Bắc Ninh dẫn đầu lũy kế 10 tháng với lần lượt 20.14, 8.01 và 4.57 tỷ USD, trong khi công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất.
- **Nhìn chung, sự chênh lệch giữa tốc độ tăng vốn đăng ký và giải ngân cho thấy dòng vốn cam kết đang đi trước vốn thực hiện, do nhiều dự án còn ở giai đoạn đầu triển khai.** Trong những tháng cuối năm, trọng tâm là khả năng chuyển vốn đăng ký thành vốn giải ngân thực tế. Chúng tôi cho rằng quy mô vốn đăng ký lớn tiếp tục tạo nền tảng hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu và tăng trưởng năm 2027, nhưng hiệu quả sẽ phụ thuộc vào tiến độ các dự án lớn và khả năng tăng liên kết với doanh nghiệp trong nước.

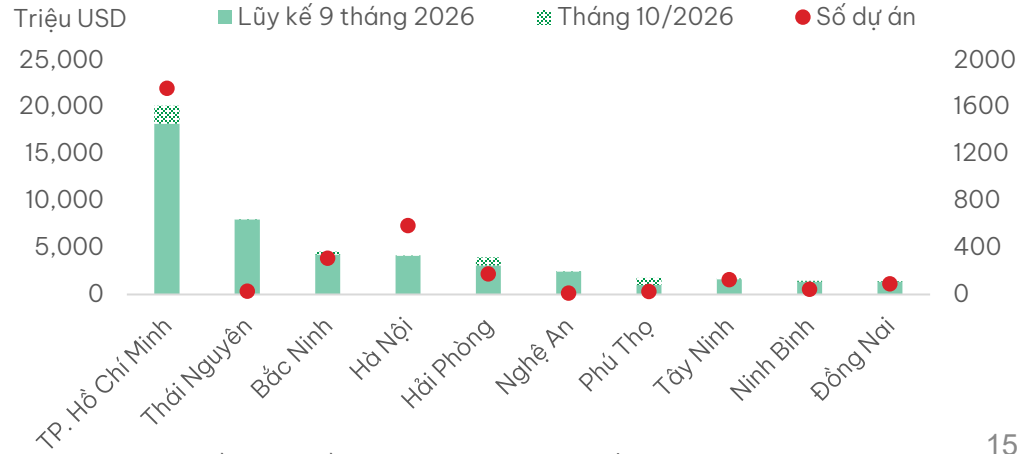
Top 10 đối tác đầu tư Việt Nam



Vốn FDI đăng ký hàng tháng



Các địa phương có vốn đầu tư hơn 1 tỷ USD



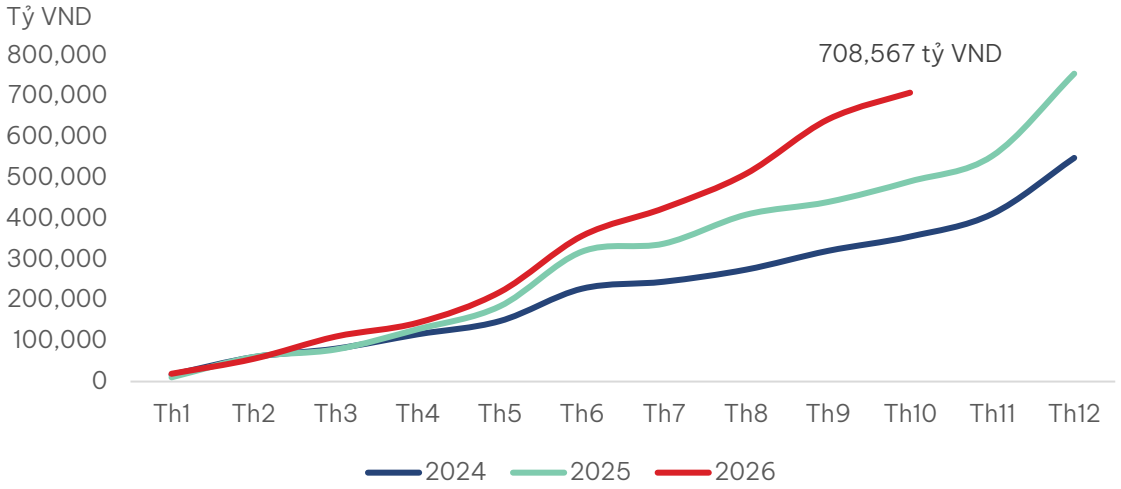
Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, Cục Thống kê, FiinX Pro, HDS Research

Đầu tư công: Địa phương giải ngân vượt trội, khối trung ương vẫn chậm

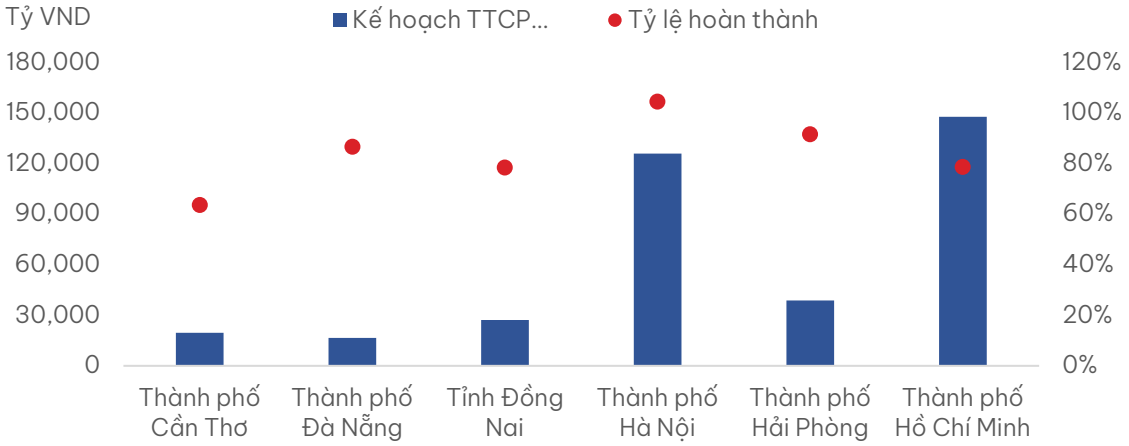
Giải ngân đầu tư công đến ngày 31/10/2026 đạt 708.6 nghìn tỷ đồng, tương đương 74.1% kế hoạch điều chỉnh 955.9 nghìn tỷ đồng và tăng 44.3% so với cùng kỳ.

- **Riêng tháng 10, giải ngân đạt 65.6 nghìn tỷ đồng, thấp hơn đáng kể mức 133.4 nghìn tỷ đồng của tháng 9.** Tuy nhiên, tiến độ vẫn phân hóa rõ giữa hai khối khi địa phương hoàn thành 76.8% kế hoạch, trong khi trung ương mới đạt 63.0%. Đặc biệt, Bộ Xây dựng, đơn vị có kế hoạch vốn lớn nhất khối trung ương với 58.2 nghìn tỷ đồng, mới giải ngân 37.3%. Trong khi đó, nhiều địa phương và dự án đường bộ duy trì tiến độ tích cực, cho thấy nút thắt chính nằm ở khả năng triển khai các dự án quy mô lớn, đặc biệt là đường sắt, hơn là thiếu nguồn vốn.

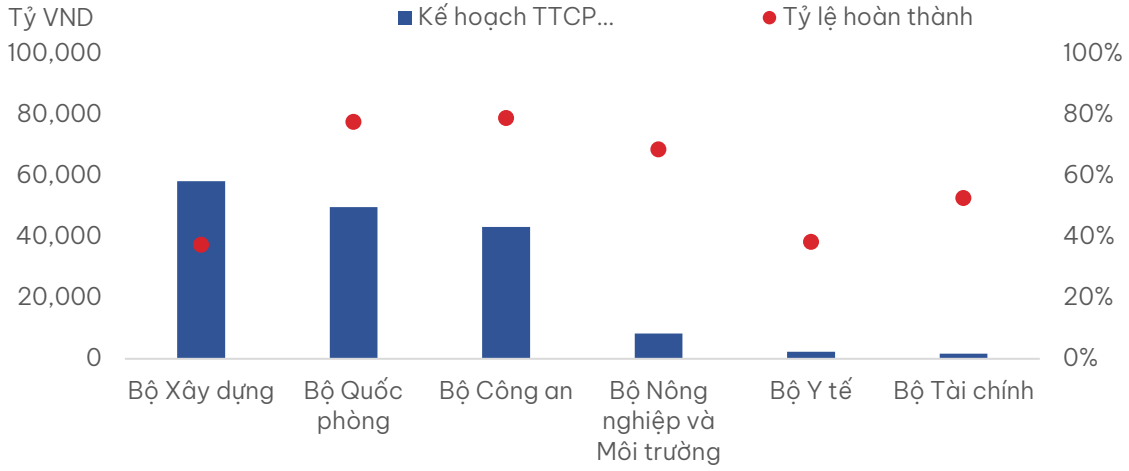
Giải ngân đầu tư công



Tình hình giải ngân tới 31/10 của các địa phương



Tình hình giải ngân tới 31/10 của một số Bộ ngành



Nguồn: Bộ Tài chính, FiinX Pro, HDS Research

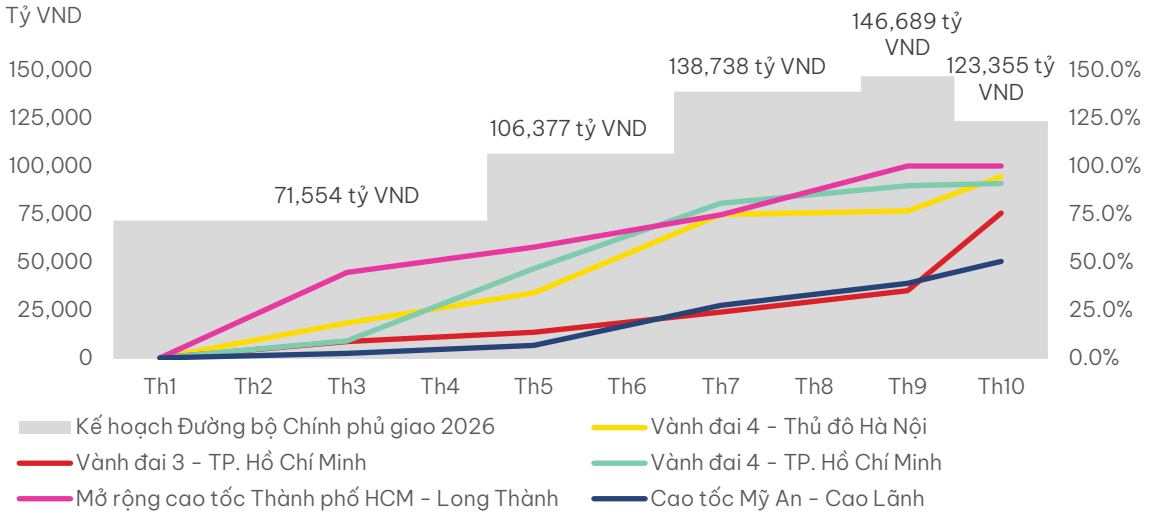
Đầu tư công: Các dự án đường bộ tiếp tục dẫn đầu tiến độ giải ngân

Nhìn chung, tiến độ giải ngân các dự án giao thông trọng điểm đến hết tháng 10/2026 tiếp tục phân hóa rõ rệt giữa các nhóm dự án. Trong khi nhiều dự án đường bộ và đường sắt đô thị đã đạt trên 85–90% kế hoạch năm, các dự án đường sắt quy mô lớn vẫn ghi nhận tỷ lệ giải ngân thấp, chủ yếu do vướng mắc trong công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng và triển khai xây dựng.

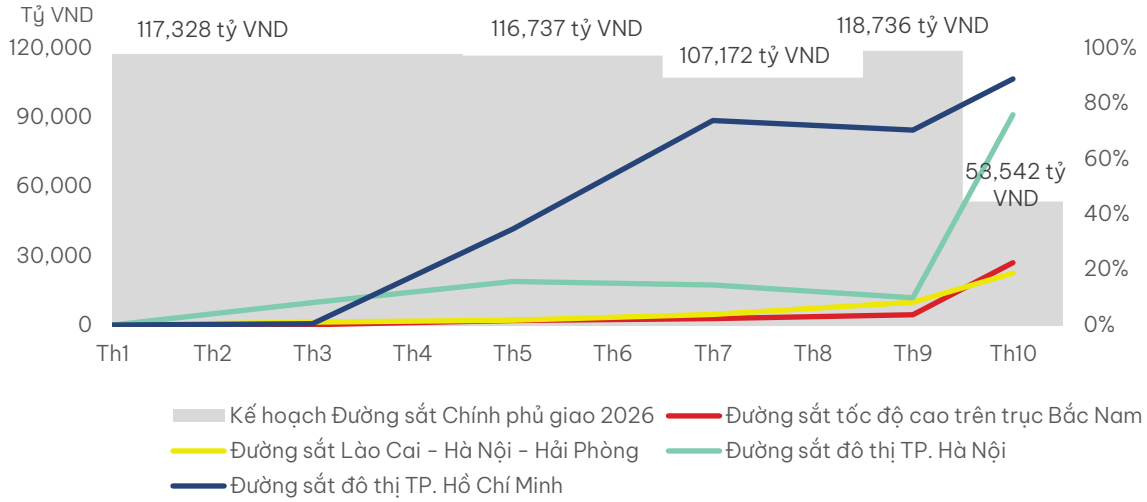
- **Vành đai 4 – Hà Nội:** Đạt 94.5% kế hoạch, dẫn đầu nhóm dự án trọng điểm.
- **Đường sắt đô thị TP. Hồ Chí Minh:** Đạt 88.8%, thuộc nhóm giải ngân cao.
- **Đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam:** Mới đạt 22.5%, chủ yếu vướng công tác chuẩn bị đầu tư.
- **Đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng:** Đạt 18.7%, còn chậm về mặt bằng và thủ tục triển khai.

Theo Nghị quyết 337/NQ-CP, Chính phủ điều chỉnh giảm 66,739.6 tỷ đồng kế hoạch đầu tư công ngân sách trung ương đã giao, trong đó phân bổ lại 8,486.9 tỷ đồng và chuyển 58,252.7 tỷ đồng về phần vốn chưa giao, nhằm phù hợp với tiến độ thực hiện các dự án. Trong hai tháng cuối năm, áp lực giải ngân vẫn rất lớn khi tổng vốn đầu tư công còn lại khoảng 247.3 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi kỳ vọng tiến độ tiếp tục được cải thiện, nhưng khả năng hoàn thành toàn bộ kế hoạch vẫn là thách thức, đặc biệt tại các dự án đường sắt quy mô lớn. Việc tháo gỡ vướng mắc và đẩy nhanh triển khai các dự án trọng điểm sẽ quyết định hiệu quả đóng góp của đầu tư công đối với tăng trưởng quý IV.

Tiến độ các dự án đường bộ trọng điểm tới tháng 10/2026



Tiến độ các dự án đường sắt trọng điểm tới tháng 10/2026



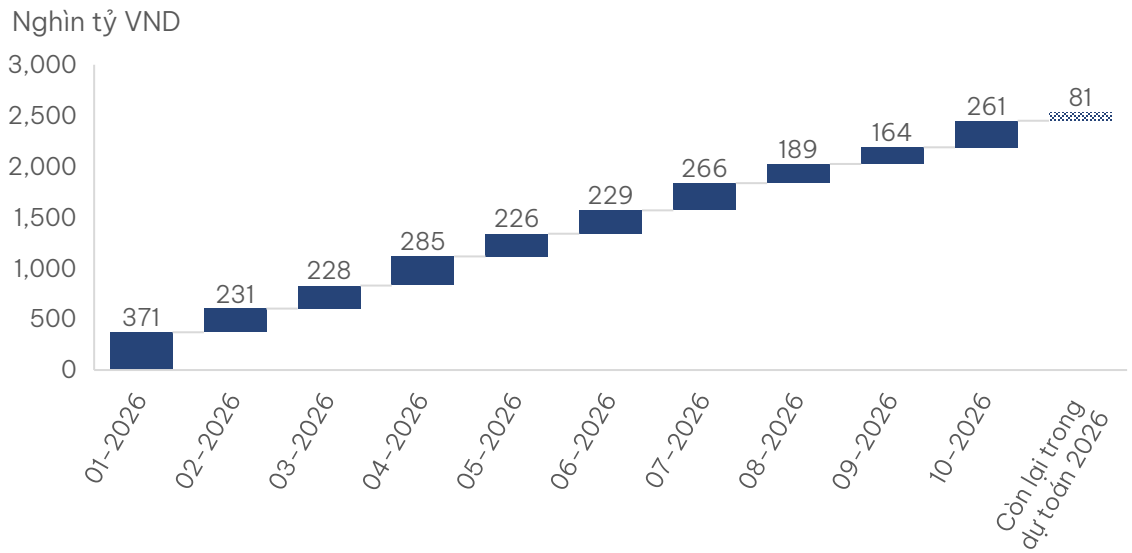
Nguồn: Bộ Tài chính, FiinX Pro, HDS Research

Tài khóa: Thu ngân sách tích cực, tiến độ chi đầu tư còn chậm

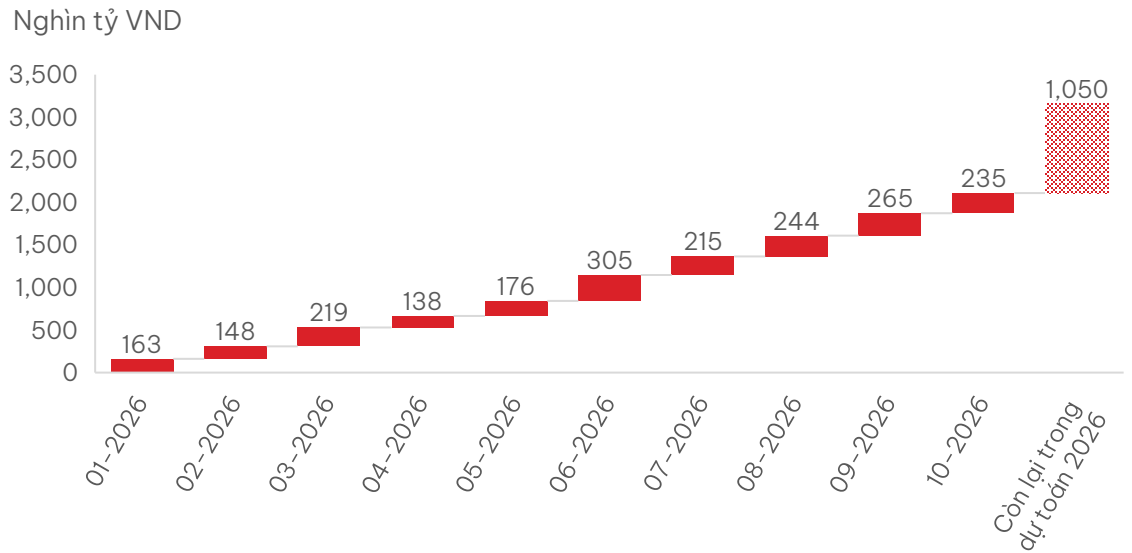
Thu ngân sách nhà nước lũy kế 10 tháng đạt 2,448.5 nghìn tỷ đồng, tăng 12.18% so với cùng kỳ và hoàn thành 96.8% dự toán năm. Ở chiều chi, tổng chi ngân sách đạt 2,108.7 nghìn tỷ đồng, tăng 14.87% nhưng mới hoàn thành 66.7% dự toán.

- **Về cơ cấu, thu nội địa đạt 2,112.2 nghìn tỷ đồng, tăng 12.56% và hoàn thành 96.0% dự toán;** thu từ dầu thô đạt 57.5 nghìn tỷ đồng, tương đương 133.8% dự toán, trong khi thu cân đối từ xuất nhập khẩu đạt 274.9 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 98.9% kế hoạch.
- **Ở chiều chi, chi đầu tư phát triển tăng mạnh 49.69% lên 735.0 nghìn tỷ đồng, tương đương 65.6% dự toán,** trong khi chi thường xuyên đạt 1,280.0 nghìn tỷ đồng, chỉ tăng 2.15%. Chênh lệch thu trừ chi lũy kế đạt 339.8 nghìn tỷ đồng, phản ánh tiến độ thu ngân sách đang vượt đáng kể so với chi.
- **Nhìn chung, thu ngân sách tích cực tiếp tục củng cố dư địa tài khóa hỗ trợ tăng trưởng trong quý IV, đặc biệt khi áp lực lạm phát hạn chế khả năng nới lỏng tiền tệ.** Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi kỳ vọng thu ngân sách cả năm vượt dự toán và chi đầu tư tăng tốc trong hai tháng cuối năm. Tuy nhiên, khả năng hoàn thành toàn bộ kế hoạch chi vẫn là thách thức do tiến độ giải ngân của khối trung ương và các dự án hạ tầng lớn còn chậm, khiến hiệu quả hỗ trợ tăng trưởng phụ thuộc chủ yếu vào khả năng đẩy nhanh triển khai đầu tư công.

Thu ngân sách Nhà nước tính tới tháng 10/2026



Chi ngân sách Nhà nước tính tới tháng 10/2026

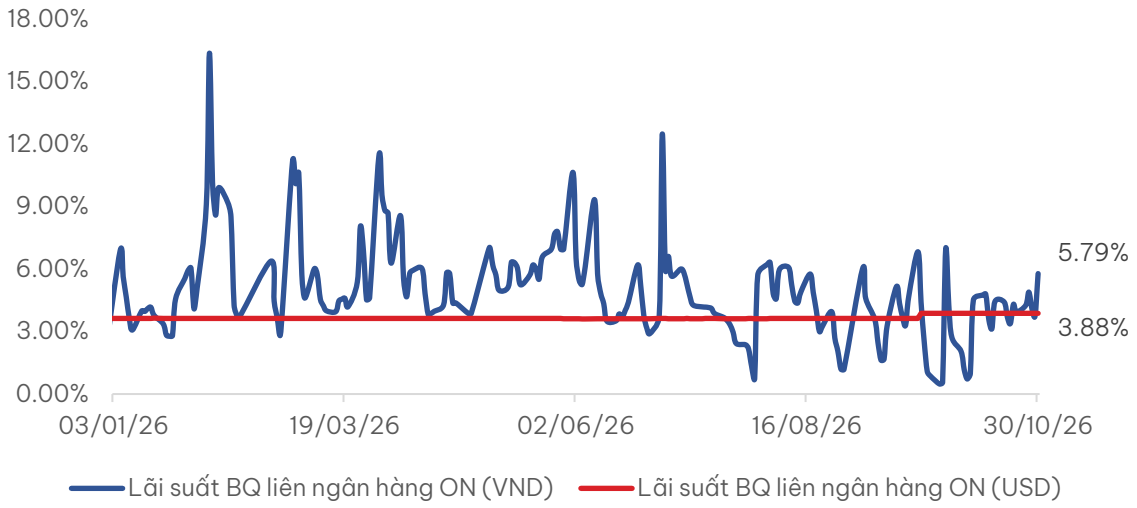


Nguồn: Bộ Tài chính, FiinX Pro, HDS Research

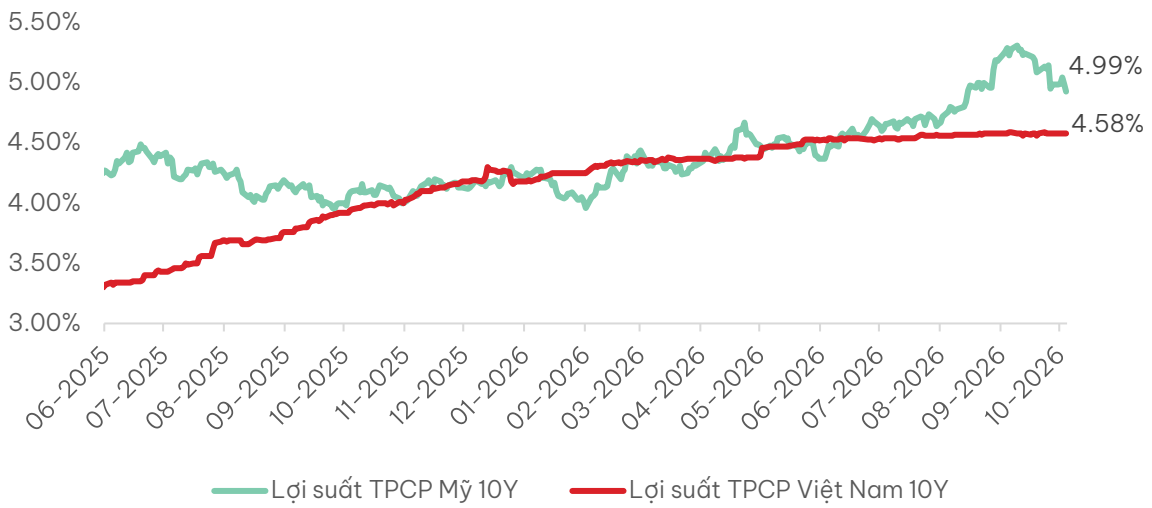
Tiền tệ: Thanh khoản kỳ hạn dài tiếp tục chịu áp lực

- **Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục biến động mạnh trong tháng 10, phản ánh áp lực cân đối thanh khoản của hệ thống ngân hàng.** Tại phiên 30/10, lãi suất qua đêm đạt 5.79%, kỳ hạn 1 tháng ở mức 5.59%, kỳ hạn 3 tháng 7.47% và kỳ hạn 6 tháng 8.00%. Chênh lệch giữa lãi suất kỳ hạn 6 tháng và 1 tháng lên tới 2.41 điểm phần trăm, cho thấy chi phí vốn kỳ hạn dài tiếp tục duy trì ở mức cao. Diễn biến này phản ánh nhu cầu vốn của hệ thống ngân hàng trong giai đoạn cuối năm, đồng thời cho thấy kỳ vọng thanh khoản chưa thực sự ổn định ở các kỳ hạn dài. Trên thị trường trái phiếu chính phủ, lợi suất kỳ hạn 10 năm đạt 4.58%, trong khi kỳ hạn 5 năm ở mức 4.34%, cho thấy mặt bằng lợi suất vẫn duy trì tương đối cao và chưa có sự điều chỉnh giảm đáng kể.
- **Nhìn chung, áp lực thanh khoản tiếp tục tập trung tại các kỳ hạn dài, phản ánh nhu cầu huy động vốn và sự thận trọng của hệ thống ngân hàng trong cân đối nguồn vốn cuối năm.** Trong khi đó, lạm phát duy trì trên 5% và mặt bằng lãi suất quốc tế còn cao tiếp tục hạn chế dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi cho rằng lãi suất khó giảm mạnh trong quý IV, đặc biệt khi nhu cầu tín dụng có xu hướng gia tăng theo hoạt động sản xuất và kinh doanh cuối năm. Các yếu tố cần theo dõi gồm hoạt động điều tiết thanh khoản qua thị trường mở của Ngân hàng Nhà nước, diễn biến lãi suất liên ngân hàng và tốc độ tăng trưởng tín dụng trong những tháng cuối năm.

Lãi suất liên ngân hàng qua đêm VND và USD



Lợi suất TPCP 10Y của Mỹ và Việt Nam

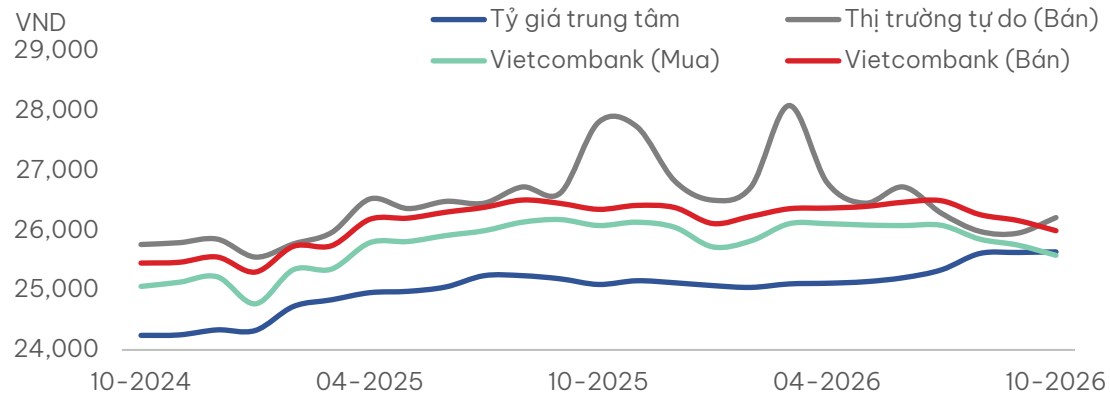


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, FiinX Pro, HDS Research

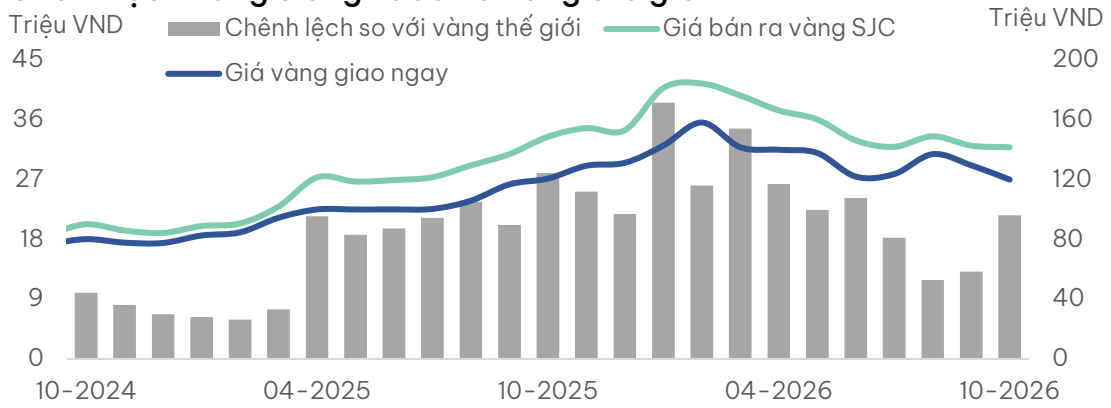
Tiền tệ: Tỷ giá ổn định nhưng chênh lệch giá vàng mở rộng

- **Tỷ giá trung tâm cuối tháng 10 đạt 25,637 VND/USD, tăng 2.05% từ đầu năm, trong khi giá USD bán ra trên thị trường tự do đạt 26,210 đồng,** cao hơn tỷ giá trung tâm 573 đồng. Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY duy trì quanh 101.88 điểm và lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm về 4.93%, phần nào giảm áp lực lên tỷ giá trong nước. Trong khi đó, giá vàng thế giới đạt 3,875.6 USD/ounce và vàng SJC bán ra ở mức 141.4 triệu đồng/lượng, khiến chênh lệch giá trong nước và quốc tế lên tới 21.6 triệu đồng/lượng. Chúng tôi kỳ vọng áp lực tỷ giá được kiểm soát trong quý IV, song mặt bằng lãi suất quốc tế, nhu cầu ngoại tệ cuối năm và biến động giá vàng vẫn là những yếu tố cần theo dõi.

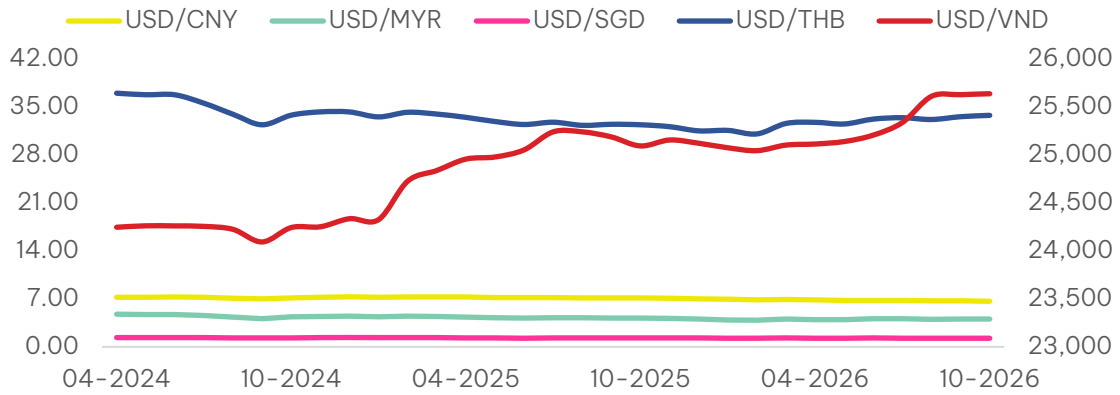
Diễn biến tỷ giá USD/VND



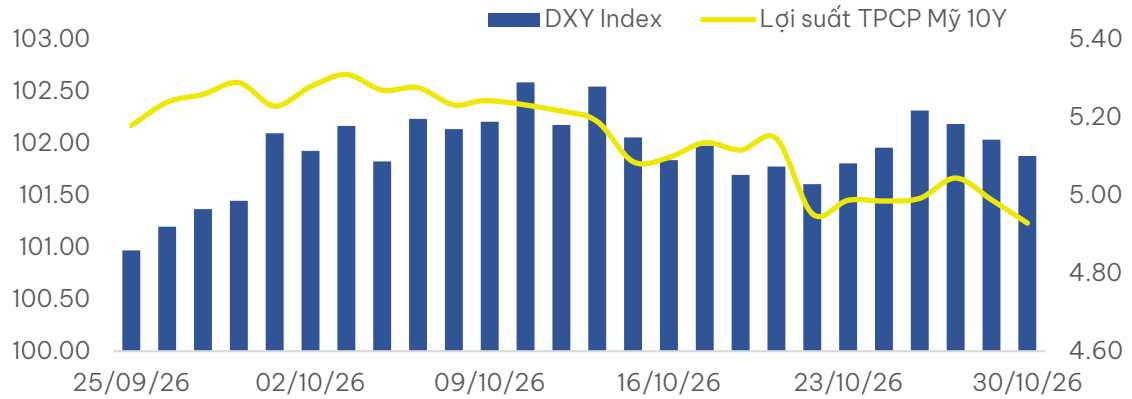
Chênh lệch vàng trong nước và vàng thế giới



Tỷ giá một số đồng tiền trong khu vực



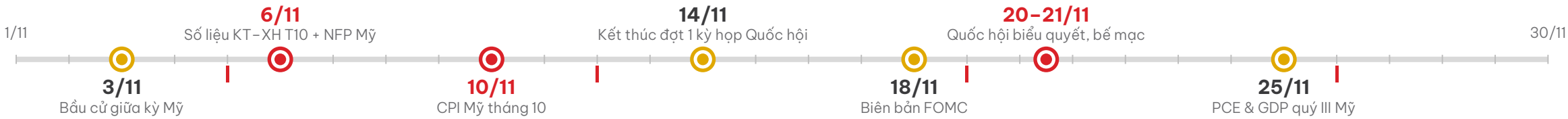
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm và DXY



Nguồn: FiinX Pro, HDS Research

Lịch sự kiện tháng 11/2026: Tâm điểm CPI Mỹ, Quốc hội và chính sách giá

HDSecurities



Trong nước & thị trường

3/7 sự kiện tác động cao

5·12·19·26 Thứ Năm · Cao	Kỳ điều hành giá xăng dầu trong nước	CPI nhóm Giao thông; kênh truyền dẫn chính của giá dầu vào lạm phát
2/11 Trung bình	PMI sản xuất Việt Nam T10 (S&P Global)	Chỉ báo sớm cho IIP, đơn hàng mới và xuất khẩu
6/11 Cao	Số liệu KT–XH tháng 10 (Cục Thống kê)	Kiểm định giả định quý IV: CPI, xuất khẩu, FDI; mức GDP quý IV cần đạt
12/11 Trung bình	MSCI công bố rà soát chỉ số quý	Dòng vốn thụ động, cổ phiếu vốn hóa lớn; hiệu lực cuối tháng
14/11 Trung bình	Kết thúc đợt 1 kỳ họp thứ 2 Quốc hội	Nghỉ 15–19/11 rà soát dự thảo; tiến độ luật, nghị quyết kinh tế – tài chính
19/11 Thấp	Đáo hạn hợp đồng tương lai VN30 T11	Biến động thanh khoản và cơ sở phái sinh
20–21/11 Cao	Quốc hội biểu quyết, dự kiến bế mạc 21/11	Thông qua 43 dự án luật, nghị quyết; KH KT–XH, ngân sách; khung pháp lý phái sinh hàng hóa

Quốc tế

1/10 sự kiện tác động cao

3/11 Trung bình	Bầu cử giữa kỳ Hoa Kỳ	Chính sách thương mại Mỹ, khẩu vị rủi ro, DXY
5/11 Thấp	Ngân hàng Trung ương Anh họp chính sách	Lãi suất toàn cầu, GBP/USD, DXY
6/11 Trung bình	Bảng lương phi nông nghiệp Mỹ T10	Kỳ vọng Fed tháng 12, UST10Y, DXY
10/11 Cao	CPI Hoa Kỳ tháng 10	Khả năng Fed tăng lãi suất T12; USD/VND, dòng vốn
13/11 Thấp	PPI Hoa Kỳ tháng 10	Áp lực lạm phát đầu vào tại Mỹ
17/11 Thấp	Doanh số bán lẻ Hoa Kỳ tháng 10	Sức mua Mỹ, cầu nhập khẩu hàng Việt Nam
18/11 Trung bình	Biên bản họp FOMC kỳ 27–28/10	Lộ trình lãi suất; số phiếu ủng hộ tăng
25/11 Trung bình	PCE và GDP quý III Hoa Kỳ	Thước đo lạm phát ưu tiên của Fed; lộ trình lãi suất
26/11 Thấp	Lễ Tạ ơn – thị trường Mỹ nghỉ	Thanh khoản toàn cầu thấp hơn
30/11 Trung bình	PMI sản xuất Trung Quốc T11 (NBS)	Cầu nhập khẩu, chuỗi cung ứng điện tử khu vực

Chính sách mới có hiệu lực

2 tích cực · 1 hỗn hợp

01/11 Tích cực	NQ 45: thuế TTĐB xăng 0%, giá điện –2%	Hiệu lực đến 31/3/2027, tiếp tục giảm 2% VAT; tạo thêm ~0.07 điểm % dư địa CPI nhưng giảm thu NSNN
01/11 Trung tính	NĐ 357: thu từ cơ cấu lại vốn nhà nước	Chuẩn hóa dòng tiền thoái vốn cho đầu tư công; trung hạn tăng cung cổ phiếu thoái vốn
01/11 Trung tính	TT 46/NHNN: thông tin tín dụng	Siết yêu cầu đồng ý, kiểm chứng dữ liệu CIC; hỗ trợ hạ tầng pháp lý cho TTTC quốc tế
06/11 Tích cực	NĐ 359: tổ chức, cơ chế tài chính VAMC	Vốn điều lệ 5,000 tỷ đồng; thêm công cụ mua, xử lý nợ xấu, giảm áp lực trích lập
09/11 Trung tính	TT 48/NHNN: giao dịch ngoại tệ với TCTD	Đăng ký trực tuyến, siết kỷ luật thanh toán; không đổi định hướng điều hành tỷ giá
14/11 Hỗn hợp	NĐ 374: đấu thầu công theo các FTA	CPTPP, EVFTA, UKVFTA: mở rộng cạnh tranh gói thầu hạ tầng; áp lực trung hạn với nhà thầu nội
20/11 Trung tính	TT 147/BTC: bãi bỏ TT cấp bù lãi suất	Chủ yếu rà soát văn bản; theo dõi quy định thay thế về hỗ trợ lãi suất

Kỳ điều hành xăng dầu (thứ Năm) Mức tác động: Cao Trung bình Thấp Chính sách: Tích cực Trung tính Hỗn hợp Lịch dự kiến, có thể thay đổi.

Nguồn: HDS Research tổng hợp

LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)

www.hdbs.vn

TRỤ SỞ CHÍNH

23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
+84 287 3076966
+84 286 2838666

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 5, 32 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
+84 243 359 8866
+84 243 351 8866

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

hdbs.vn/tin-tuc-su-kien/trung-tam-phan-tich
research@hdbs.vn

PHÒNG GIAO DỊCH

Tầng trệt, Số 222 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng dựa trên dữ liệu thu thập từ các nguồn được đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên HDS không đảm bảo tính chính xác và đầy đủ tuyệt đối của các thông tin này. Các nhận định trong báo cáo phản ánh quan điểm tại thời điểm phát hành, có thể thay đổi theo diễn biến thị trường mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ mang tính tham khảo và không phải là khuyến nghị đầu tư. HDS không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro hoặc tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng thông tin trong báo cáo.

Báo cáo này là sản phẩm và tài sản của HDS. Mọi hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của HDS đều là trái luật.